

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Huyền Ứng soạn dịch.

QUYỂN 48

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN - Đại Đường Tân dịch.

QUYỂN 1

Du-già. Ngược lại âm dương chu. Đây dịch là ứng dụng; gọi là tất cả thừa, cảnh hạnh quả v.v... chỗ có các pháp đều gọi là cảnh tương ứng, cũng gọi là tất cả chỗ đều duyên theo cảnh. Cảnh này cùng với tâm tương ứng cho nên gọi là cảnh tương ứng hành; gọi là tất cả hành; hành đây cùng với lý tương ứng, cho nên gọi là hành tương ứng với quả; gọi là Tam thừa Thánh quả. Đây gọi là quả vị trong các công đức, pháp cảnh tương ứng phù hợp, thuận theo, cho nên gọi là quả tương ứng vậy.

Sư Địa. Sư, gọi là người thông hiểu tam thừa hạnh do nghe. Đây gọi là thứ lớp, từng bậc, lần lần huân tập, như vậy Du-già là tùy theo phần đầy đủ, rồi lần lần điều hóa các chúng sanh cho nên gọi là Du-già sư, sư đây gọi là người lấy đạo để giáo hóa người khác nên danh xưng là sư trong kinh xưa nói là quán hạnh, người hành giả quán sát các hạnh là vậy. Địa gọi là cảnh giới, chỗ sở y, chỗ nương theo hạnh, hoặc gọi là chỗ nhiếp tất cả các nghĩa là Du-già Sư, sở hạnh cảnh giới, cho nên gọi là Địa; Địa tức là mười bảy địa.

Ốt-đà. Ngược lại âm Ô-cốt. Ngược lại âm dưới là đồ ngã. Xưa dịch là Uất-đà-na là sai. Đây dịch là tập vật tán hoặc là nói nhiếp tán, cũng gọi là nhiếp thí.

Tam-ma-tư-đa. Ngược lại âm. Đây dịch là Đẳng dẫn, cũng gọi là Thắng định địa; hay xa lìa trạo cử, hôn trầm, dẫn tới bình đẳng, năng dẫn. Đây có hai nghĩa, hoặc là dẫn tới bình đẳng; gọi là dẫn các công đức, hoặc là bình đẳng sở dẫn. Đây gọi là định trước cộng thân hạnh, cho nên gọi là năng dẫn.

Bài hý. Ngược lại âm bại giai. Theo chữ bài nghĩa là người làm

trò vui, chỗ làm các trò bỡn cợt đùa. Lấy mắt nhìn lòng cảm thấy vui vẻ. Tam Thương gọi là bài là thổi ống tiêu, tiếng tiêu thổi. Theo văn nói. Theo văn nói bài lý là chỗ làm trò ca hát vui vẻ chữ viết từ bộ qua thanh hư. Âm hư ngược lại âm là âm y.

Ứng thử chữ cổ và giải thích chữ cổ văn cổ lại viết thử cũng đồng. Ngược lại âm thực nhĩ. gọi là lấy cái lưỡi liếm ăn vậy.

Ứng tuyến. Ngược lại âm tợ diễn thực diễn hai âm. Theo văn nói tuyến nghĩa mút bú, là bu mút sữa. Âm thẩu ngược lại âm sở giác.

Nhược tỉnh. Ngược lại âm tư định tư lịnh hai âm. Nghĩa là uống rượu. Văn thông dụng gọi là trừ bỏ say rượu gọi là tỉnh.

Nghi lộ. Chỗ làm là con đường, con đường cũng là đạo, sở hành oai nghi gọi là sắc, dựa theo mùi vị của hương thơm là con đường. Lại như oai nghi dựa theo tâm làm con đường.

Mạc ma. Ngược lại âm mạc bát. Đây gọi là chết từng khúc, từng đoạn, có thên trong, gọi là từng lóng đốt. Nghĩa là nếu như đánh, như tát người tức là sẽ chết.

Bổ-đặc-già-la. Theo bốn chữ Phạm chữ bổ đây gọi là Số-đặc-già Trung Hoa dịch là Thú la. Đây gọi là thú, cũng gọi là Số thú thú, cũng gọi là sát sát vãng lại là thường qua lại các nơi thú vui. Xưa cũng viết là Phát-già-la, phiên dịch tên là nhập; nói rằng là xả bỏ Thiên ấm, nhập vào nhân ấm, xả bỏ nhân ấm, nhập vào súc sanh ấm, gọi là cận tử nghiệp là vậy. Trong kinh lại viết Phúc-già-la, hoặc là viết Phú-già-la; đều là Phạm âm chuyển dịch. Người dịch đều phiên dịch là người, nói lục thú là tên thông cả con người, đó là nói quá sai lầm, lừa dối con người; cũng nói có ý giống như là nhiều quá không thể nghĩ lường; người khác có trí tuệ suy nghĩ nghĩa lý, nói là tên của con người, còn loài ngã quỷ sáng suốt thì không. Đây nói tên con người là như thế nào, riêng chẳng phải người dịch làm lạc mất đó sao!

Môn mạc. Ngược lại âm mạc bốn âm. Theo chữ môn mạn nghĩa là lấy tay nắm giữ vật. Chữ lâm môn nghĩa là an ủi vỗ về, vỗ nhẹ vậy.

Tự mạc. Lại viết xỉ cũng đồng. Ngược lại âm tài dữ. Văn thông dụng gọi là, nhai, cũng có nghĩa nghiền ngẫm. Tam thương gọi là nhai, lại cũng gọi là ngậm, thưởng thức mùi vị.

Giác lực văn cổ viết giác này cũng đồng. Ngược lại là âm cổ học. Quảng Nhã cho rằng: Giác là lượng sức, cũng gọi là thử sức. Theo văn nói giác là đưa lên dùng hay tay đưa lên nâng lên cao, đôn âm. Lại viết hoặc viết là người dùng cánh tay đưa lên. Đây là văn cổ, âm chữ thô,

ngược lại âm tại cổ. Nghĩa là thô lược. Chữ giác này chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Hắc Nhu. Ngược lại âm nô cấu. Tỳ Thương cho rằng: Con cừ non. Văn thông dụng gọi là lông con dê cuộn lại gọi là nhu là vậy.

Hoặc tình. Lại viết tình sinh hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tự doanh. Theo Thanh Loại gọi là mưa đã dứt, mưa tạnh gọi là tình. Tình cũng là thấy được ngôi sao.

Hy hý lại viết hy này cũng đồng. Ngược lại âm hư chi. Theo văn nói gọi là vui. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Hy hý là bày trò hài hước vui cười vậy.

Mạnh quả. Trong sách lại viết quả này cũng đồng. Ngược lại âm khẩu quả. Hoặc nói là mầm, hoặc gọi là hạt nhỏ. Lại nói là bức hột nức ra nảy mầm đều một nghĩa. Âm bức tiếng địa phương thường hay dùng vậy.

Tông khí. Ngược lại âm tử hồng. Quảng Nhã cho rằng: Tông là nền tảng, cội gốc, khí là thế gian. Gọi là chủng tộc nhân loại sinh sôi nảy nở ra sum suê. Mao Thi Truyện gọi là một cảnh sanh ra trăm cảnh, thế gian là vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 2

Kiện-nam. Ngược lại âm cự yển. Xưa dịch là Già-ha-na. Đây dịch là dày đặc chắc chắn; nghĩa là đến ngày thứ bốn mươi bảy cục thịt tròn mới là chắc thật.

Hắc ám. Ngược lại âm ư giảm. Theo chữ lâm ám là rất tối, tối đen, nói là hình sắc tối đen.

Yển hội. Lại viết an yển hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm ư ưng. Nghĩa là tụ tập ăn uống, vui chơi, cũng gọi là nhóm họp nhỏ.

Túc bại. Ngược lại âm bổ giải. Gọi là cỏ dại mà giống như là ngũ cốc. Tiếng địa phương gọi là lúa ma.

Điện cương. Lại viết chữ điện điện hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm đô điền. Ngược lại âm dưới là cư lương. Điện tức là té ngã nhào. Cương tức là té ngã ngựa rộng rãi. Gọi là té nằm ngựa ra.

Đãi tận. Ngược lại âm đồ cải. Đãi nghĩa là găn; Cơ cũng là găn,

ngăn cách mấy, ngăn cách bao nhiêu cũng gần. Âm cơ ngược lại âm cử cơ.

Vẫn một. Ngược lại âm vu khác. Theo Thanh Loại vẫn một nghĩa chết, bị rơi xuống mà chết. Đây là lời nói từ xưa đến nay.

Nghệ lợi. Ngược lại âm chương thức Quảng Nhã cho rằng: Nghệ lợi là sắc bén. Theo văn nói: Nghệ là nhanh nhẹn. Lại nói lợi cũng giống như nghệ. Nghĩa là sắc bén, nhanh nhẹn. Nhạy bén vậy.

Nhất trách văn cổ viết thác cũng đồng. Ngược lại âm tri cách. Cản thẳng trương ra gọi là trách. Quảng Nhã cho rằng: Trách là mở ra, mở rộng, khai mở ra vậy.

Khô cảo văn cổ viết cảo này. Theo văn nói viết cảo này cũng đồng. Ngược lại âm khổ đạo. Cảo nghĩa là cây khô héo vậy.

Kích chú. Ngược lại âm kinh lịch. Nước chảy xiết gọi là kích. Theo văn nói nghĩa nước chảy bị ngăn đọng lại khiến bắn vọt lên.

Phong tiêu. Lại viết đài cũng đồng. Ngược lại âm tử diêu. Nghĩa là bảo lớn, gió xoáy từ dưới đất xoáy lên cao, khiến (T625) bốc vờ bay đi vậy.

Xung bạc. Ngược lại âm bổ mạc. Bạc nghĩa là đè nén, thúc ép, sát đến, gần kề đến sát.

Pha tri. Ngược lại âm trúc trì. Tiếng Phạm nói là Tắc-pha-tri-ca. Trung Hoa dịch là thủy ngọc, hoặc nói là bạch châu, viên ngọc trắng. Xưa dịch là pha lê là vậy. Trong Đại Luận gọi đây là vật quý lấy từ trong túi đá ra, ở trong hang núi nước qua đến ngàn năm trở thành pha lê châu. Theo Tây Vực, nước này không nấu được quá dư. Đây là vật chẳng phải nước, chỗ hóa thành loại giống như đá.

Trá ca. Chữ Lâm. Ngược lại âm đình các. Lại âm dưới là trúc cách. Gọi là núi đá. Đây không hội đủ điều kiện giải thích, cho nên vẫn giữ nguyên tên bản gốc này.

Khiết đạt. Ngược lại âm khư yết. Đây gọi là gánh củi từ trên núi. Núi này rất nhiều cây nên lấy cây mà đặc tên vậy.

Ê la khí. Ngược lại âm nhất hê tên của loại cây. Trong kinh luật xưa viết y la khí là sai vậy.

Trùng cấp. Ngược lại âm ký lập, cấp nghĩa là thứ bậc. Gọi là thứ lớp là cấp bậc cao thấp là vậy.

Du hanh. Ngược lại âm hồ sĩ. Hạnh ngộ, là gặp nhau. Lại nói rằng người dân mà được vua chiếu cố đến đều được ân trạch gọi là hạnh.

Tần ô. Ngược lại âm bi tận bi tử, hai âm. Theo văn nói: Tần là loại súc sanh vật giống má, khác với giống đực vậy. Giống má gọi là tần,

giống đực gọi là lùng.

Phái lưu. Ngược lại âm phổ giải. Nước chảy phân rẽ ra các con sông. Theo văn nói cho rằng: Nước chảy xuyên biệt lập riêng một con sông. Quảng Nhã cho rằng: Nước chảy tự phân ra hai đường gọi là phái.

Khắc-già. Ngược lại âm kỳ thăng. Trung Hoa dịch là đến Thiên đường; là lấy từ bên ngoài kia. Trong sách giải thích rằng: Thấy xuất thế ra ở chỗ cao gọi là từ Thiên đường đến. Theo trong kinh Phật giáo thì đây gọi là từ con sông Vô nhiệt nào chảy về hướng Đông, mà giống từ miệng mà chảy ra nhập vào biển Đông. Xưa gọi là sông Hằng cũng nói là sông Già; hoặc nói là sông Hằng ca; đều sai vậy.

Tuần kỳ. Ngược lại âm tợ quân. Theo văn nói gọi là đi, tuần hành, đi men theo, đi vòng quanh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tuần tự, theo thứ tự, tuần theo. Tự cũng giống như là theo vậy. Tuy theo đây mà dịch. Lại cũng viết tuần tự này cũng đồng văn cổ.

Thiết lập. Ngược lại âm lãng hợp. Đây tên của cây; giống như là loại cây bồ kết, mà mọc sừng ra rất dài, trái trong có sợi tơ, chỉ, giống như bông gòn; nên gọi là Đố la miên, có thể dùng làm dệt y phục mặc vậy.

Canh đạo chữ thường dùng viết canh cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ca hoành. Nghĩa là loại lúa không dẻo. Ở Giang Nam gọi là canh, cũng gọi là đạo. Âm đạo tiếng địa phương gọi là tiên, là lúa lẻ.

Vô khái lại viết khái này cũng đồng. Thanh ngân nhập; một âm. Ngược lại âm bồ kết. Gọi là gạo chắc. Cũng gọi là gạo cứng đến như dùng gậy, roi, quất không bể ra được. Nay mở ra ở trong gọi lúa mạch, lúa vụn, lúa lẻ cứng, cũng gọi là lúa khát đầu. Ở Giang Nam gọi là lúa tế, lúa không dẻo. Âm đạo tử ngược lại là âm đồ cách.

Cố hề. Ngược lại âm miên kiến. Theo văn nói có thể Hề là liếc nhìn xéo, liếc xéo. Tiếng địa phương gọi là từ giữa của phía Tây nước Tần và Tấn nhìn qua gọi là hề.

Đệ tương. Văn cổ viết chữ này cũng đồng. Ngược lại âm đồ lể.

Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Đệ là thay đổi, thay phiên nhau. Quách Phác gọi là trải qua, thay đổi, đi qua. Tiếng địa phương gọi là chuyển đưa đi, cùng nhau chuyển đi từng chặng đường. Âm điệt ngược lại âm đồ kết.

Ha tử văn cổ lại viết tư hư hai tử tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm tử nhĩ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Không thể 1 rằng: Dùng miệng hửi nhục người khác gọi là tử. Theo văn nói tử là trách mắng.

Ty khế âm dưới là khẩu thảo. Quảng Nhã cho rằng: Ty là làm chủ.

Theo văn nói cho rằng: Khế là tờ hợp đồng giao kèo khế ước lớn. Chữ viết từ bộ đại.

Bà-la-môn. Đây nói sai, nói tóm lược. Nên nói là Bà-la-dục-vị-nã, cũng nói là Bà-la-hạ-ma-nã. Đây dịch nghĩa gọi là người thừa sự tập pháp của Phạm thiên. Chủng loại người tự cho rằng: Mình là từ miệng Phạm thiên sanh ra. Trong bốn họ tộc giai cấp là thắng vượt hơn hết. Cho nên độc quyền nắm giữ tên là Phạm. Chỉ có ở Ngũ Thiên trúc có các nước tức là không có. Trong kinh nói rằng: Phạm chí, đây cũng là tên gọi. Nói cho đúng gọi là tịnh dẫn. Nói là miêu dẫn của Phạm thiên.

Hồ-lặc. Ngược lại âm lặc khác. Cũng nói là Mâu-hồ-lật-đa. Tiếng Phạm chuyển đọc. Xưa dịch tên là Ma-hầu-đa.

Phát phần. Ngược lại âm phò phần. Gọi là nổi hứng; cũng gọi là khí giận dữ quá xung thịnh, tức giận tràn đầy, căm phần căm giận, uất ức, thể hiện qua hình tướng vậy.

Phá cốc. Lại viết cốc cũng đồng ngược lại âm khẩu giác. Sách Ngô Hội Gian gọi là âm khốc. Vỏ bên ngoài của cái trứng cứng. Theo chữ là phàm vật mà vỏ cứng gọi là.

Phẫu thai. Ngược lại âm phổ hậu. Chữ phẫu cũng giống như chữ phá. Nghĩa là mở ra phá vỡ. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Phẫu là phân tách ra phân ra khỏi, tách lìa ra khỏi.

Phong nắm. Ngược lại âm nhi thắm chữ sâm. Nắm là lúa chín, phong nắm cũng gọi là được mùa.

Quan liêu. Lại viết chữ liêu này cũng đồng. Đồng làm quan với nhau gọi là liêu sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bạn làm quan với nhau.

Để tứ. Ngược lại âm đình lễ. Âm dưới là tương lợi. Để nghĩa là nhà lớn làm các chợ ngồi bán, buôn bán. Tứ là bày ra, cho nên gọi là bày hàng hóa ra, các vật, để buôn bán gọi là để, tứ cũng là xếp hàng có thứ tự các loại hàng hóa, có các loại của cải lụa là, vải vóc, vàng ngọc tất cả đem bày ra chợ để buôn bán vậy.

Bức hiếp. Ngược lại âm hư nhiếp. Gọi là lấy uy quyền thế lực dọa nạt khiến cho người khác phải sợ hoặc nói hiếp bức người khác đều đồng một nghĩa vậy.

Cận sự Tiếng Phạm nói là Ô-ba-khiên-ca. Đây dịch là cận sự, nghĩa là gần gũi làm việc; gọi là thân cận Tam bảo mà phụng sự các việc.

Lão thực văn cổ viết kỳ kỳ hai chữ tượng hình. Nay viết kỳ này cũng đồng ngược lại âm mạc báo. Theo sách Chu Lễ tám mươi tuổi gọi

là Lão. Trịnh Huyền gọi là kỳ hôn nghĩa là trong lòng không rõ lẫn lộn; cũng gọi là loạn, cũng gọi là hay què. Lão Thực, tức là lẫn lộn, loạn tâm quên nhiều.

Mục ngư. Ngược lại âm mạc lộc vong lộc hai âm. Tam Thương gọi là coi sóc nuôi dưỡng. Tiếng địa phương gọi là nuôi súc vật cho ăn uống, nói chung là chăn nuôi gia súc.

Bổ-lô-sa. Xưa nói là Phú-lâu-sa. Đây dịch là sĩ phu; hoặc gọi là trượng phu đàm Thề; cũng gọi là Bổ-lô-sam sở tác sĩ, cũng nói Bổ-lô-nghiêm-nã. Ngược lại âm sở giai. Ngược lại âm dưới là nữ da; cũng nói là cặp năng tác sĩ, cũng nói là Bổ-lô-sa-da sở vi sĩ; cũng gọi là Bổ-lô-sa-phả. Ngược lại âm đô ngã. Cũng nói sĩ sở tùng sĩ, cũng nói là Bổ-lô-sát sở thuộc sĩ, cũng gọi là Bổ-lô-đoạn. Ngược lại âm sở giới. Cũng gọi là Sở y sĩ. Đây là Thanh Loại rõ ràng trong thất chuyển, bảy lần chuyển pháp luân của Phật. Gọi là Triệu Thanh vậy.

Vụ hải. Ngược lại âm dưới là ai. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Hải vụ nghĩa là sợ hãi chạy tán loạn lên. Quảng Nhã cho rằng: Sợ hãi chạy phóng lên, nhảy lên lồng lên.

Lưu chuyển. Tiếng Phạm nói là Tăng-bà-lạc. Đây dịch là lưu chuyển; gọi là tuần hoàn qua lại nơi lục thú không dứt. Như là nói sanh tử vậy. Theo tiếng Phạm nói là Thiện ma. Đây dịch là tái sanh phán tội. Đây cũng dịch là chết, nói khác đi, lấy bốn gốc khác tên là nam. Âm nam ngược lại âm nữ hàm vậy.

Tạp Nhu. Ngược lại âm nữ cứu. Nay lấy các sắc vật khác hòa lẫn với nhau gọi là nhu cũng gọi là tạp. Theo văn nói gọi là cơm trộn lộn với thức ăn vậy.

Hỗn trọc. Ngược lại âm hồ côn hồ cốn hai âm. Gọi là hỗn loạn, cũng gọi là tiếng nước chảy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 3

Phân tích. Ngược lại âm tư lịch. Phân nghĩa là phá vỡ ra. Chữ viết bộ cân phân mộc là chiết tự ý nghĩa là bể gãy. Nay văn thường hay dùng viết chữ nghiêng đều từ bộ phiến.

Trì chiếu. Ngược lại âm chi nhiều. Theo văn nói chiếu là cái ao tròn uống cong mà nhỏ.

Khổng khích. Ngược lại âm khuê nghịch. Theo văn nói gọi là khe hở của vách tường. Có lỗ hở. Quảng Nhã cho rằng: lẩn nức có khe hở. Chữ viết từ bộ phụ đến bộ trên dưới bộ tiểu.

Hữu thuận. Trong sách Liệt Tử viết Thuận cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm Thi nhuận. Theo văn nói cho rằng: Thuận là con mắt nháy mở to, dao động.

Bát cương sách toán văn lại viết cương này cũng đồng. Ngược lại âm cổ lãng. Gọi là cái trống lớn.

Đô bát. Ngược lại âm đồ nam. Gọi là cái trống nhỏ.

Tốt đồ. Tiếng Phạm gọi là Lô ca hương. Ngược lại âm Tô cốt. Âm dưới là đồ cổ. Trong kinh xưa gọi là Đâu lâu bà hương là vậy.

Long não hương. Theo Tây Vực gọi là Yết-bố-la hương. Cây thân giống như cây tùng. Lá, hoa, quả lại khác biệt. Lúc đầu hái xuống ướp nước chưa có nghe mùi thơm. Sau khi cây khô rồi đểo gọt chẻ ra cây bên trong mới có mùi thơm, hình trạng giống như là mây ngũ sắc, cũng giống như tuyết. Đây gọi là long não hương.

Xạ hương. Ngược lại âm thần dạ. Lại âm thạch hình. Xạ hương là loại thú giống như con hươu nhưng nhỏ, không có sừng. Con đực răng chó lộ ra ngoài, ở bụng gần âm nang có tuyến tiết ra dịch thể rất thơm, cho nên gọi loại thú này là con xạ hương vậy.

Tô khấp mễ. Ngược lại âm mê tế. Tên là hương. Đây phiên dịch không có bốn chánh, cho nên chỉ kinh nghiệm bản thân.

Thóa di văn cổ viết di này cũng đồng. Ngược lại âm tha kế. Tam Thương gọi là nước mũi chảy.

Sơ thái. Ngược lại âm sở ư. Phàm là loại rau có thể ăn được, thông thường gọi là sơ. Theo chữ sơ thái là loại rai cải để ăn vậy.

Bộc cần. Ngược lại âm bổ cốc. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Bộc là bày ra phơi khô dưới ánh nắng mặt trời. Chữ viết từ bộ nhật đến bộ xuất đến bộ bắc mễ. Chữ chỉ ý. Âm cũng ngược lại âm cự khúc. Cung là tay đưa lên.

Hưu dĩ. Ngược lại âm hứa do. Âm dưới là du chủ. Quảng Nhã cho rằng: Hưu là vui vẻ, tin vui mừng, dĩ là lâu dài có lợi ích vậy.

Đãng địch văn cổ viết đãng, cũng đồng. Ngược lại âm đồ lãng. Ngược lại âm dưới là đồ đích. Văn thông dụng gọi là dụng cụ đựng nước tắm rửa, thao, chậu tẩy rửa.

Hoặc xúc. Lại viết nặc, cũng đồng. Ngược lại âm nữ cách, nữ trắc hai âm. Nặc nghĩa là cầm nắm, bắt giữ. Theo văn nói nặc là ấn xuống, lấy tay đè xuống.

Nhu đồng. Ngược lại âm như chu. Nhu là mềm mỏng, khéo léo, đồng nghĩa còn thiếu niên nhỏ tuổi. Xưa gọi là ma nạp, hoặc gọi là na bà. Dịch là thiếu niên, hoặc nói là tiểu niên tịnh hạnh gần gũi với người nho sĩ vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 4

Nhất pháp. Ngược lại âm bành hiếu. Nghĩa là mụn nổi phồng trên da. Theo văn nói là mọc trên mặt, khi nóng nhiệt khí, gọi là pháp là nổi mụn. Nay lấy đây mà dịch nghĩa vậy.

Hiết chiết diêm. Ngược lại âm hồ yết. Âm kế là trác hạt. Âm dưới là trúc hàm. Nghĩa là tiếng than khổ ở địa ngục, nhân âm thanh mà đặt tên vậy.

Hác hác phàm. Ngược lại âm hồ các. Nghĩa là tiếng chống chọi với lạnh. Cũng nhân âm thanh mà đặt tên vậy.

Quý phạt. Ngược lại âm cự quý. Thiếu tiền tài vật dụng gọi là quý. Tạm thời không có gọi là phạt. Trong Kinh Thi nói rằng: Đứa con hiếu không có quỹ cất tài sản. Nghĩa là trong tư, rương, hòm, đã hết tiền của rồi vậy.

Huất nhiên. Ngược lại âm hồ vật. Thương Hiệt cho rằng: Huất là gấp gáp vội vàng, bỗng nhiên. Âm thốt ngược lại âm thô cố.

Thảng phanh. Ngược lại âm bổ hành. Gọi là dây đàn mặc gọi là phanh. Giang Nam gọi là bình. Âm phanh. Ngược lại âm phổ canh.

Nhược trác. Ngược lại âm Đô giác. Gọi là đẽo gọt, vót, khắc, đục đẽo. Theo văn nói gọi là chặt, đốn, chặt bằng dao; lại gọi là thêm vào dôi mài tay nghề gọi là trác. Âm tạm. Ngược lại âm tầm.

Nhược uyển. Ngược lại âm Ô quan. Gọi là dùng búa đẽo vót, gọi là uyển, cũng gọi là khiêu dật trong lòng.

Sàm nhập. Ngược lại âm tại tai. Quảng Nhã gọi là sàm là tạm thời. Tam Thương cho rằng: Nhỏ nhít, vi tế, kém, chẳng qua tý xíu mà thôi, qua loa.

Thiết uyển ngược lại âm. Chử uyển gọi là cắt xén xỏ sâu thọt lại đem nướng (T626) gọi là uyển.

Trùy phủng. Ngược lại âm trực tray. Thương Hiệt giải thích rằng: Trùy là cái dùi, dùng để đánh nện vật. Chử viết từ bộ mộc.

Hoặc trúc văn cổ viết trúc này cũng đồng. Ngược lại âm trắc lục. Theo văn nói trúc nghĩa là đập, giã, đâm. Quảng Nhã cho rằng: Trúc là đâm, dùng vật nhọn đâm vào.

Lưỡng bác. Ngược lại âm bổ mạc. Bác là cánh tay, hoặc có viết ngược lại âm tỳ mạc. Chữ bác này là vật mỏng, chẳng phải nay dùng vậy.

Trứu triếp. Ngược lại âm trắc cứu. Âm dưới là chi thiệp. Lại là âm triếp. Nay triếp này nghĩa là vật trùng lập và triếp nghĩa là cái quần, cái váy; đều là viết như vậy.

Thiết toàn. Ngược lại âm ký liêm. Toàn còn gọi là cái nhiếp, cái kẹp lấy vật. Văn thông dụng gọi là dụng cụ để khoan gọi là toàn. Toàn cũng là nắm lấy, giữ lấy, hoặc viết là kiểm, là thúc cổ của người lại, áp chế người lại. Chữ thiết Chẳng phải đây dùng vậy.

Dương đồng. Ngược lại âm dĩ lương. Gọi là nướng, thiêu đốt cho tiêu tan, cho chín nhừ, nung nhiệt. Tam Thương cho rằng: dương là biển lớn gọi là đại dương, nước trong biển lớn vậy.

Đường ôi. Ngược lại âm đồ lang. Âm dưới là ô dẫn. Văn thông dụng gọi là tro tàn; than còn nóng gọi là đường ôi.

Nhương-củ-trá. Ngược lại âm câu canh. Đây dịch là loại phân cực của loài côn trùng. Loại côn trùng này rất độc miệng nó có cây kim nhọn, có thể châm xuyên qua xương cốt người, mà cũng có thể ăn thịt người vậy.

Hắc lê. Ngược lại âm lực hê. Văn thông dụng gọi là nhuộm thành màu đen gọi là lê. Theo chữ gọi là màu vàng sậm vậy.

Tra xế. lại viết tra, cũng đồng. Ngược lại âm trắc da. Âm dưới lại là âm Xung thế. Giải thích tên gọi là Tra xoa gọi là nắm ngón tay đều có thể nắm lấy, xế nghĩa là chế là ngăn lại, nghĩa là ngăn cấm khiến cho thuận theo vậy.

Tích lữ. Lại viết lữ này cũng đồng. Ngược lại âm lực cử. Chữ lữ cũng giống như chữ tích vậy. Nghĩa là xương sống. Theo văn nói gọi là đốt xương sống, cũng gọi là nơi những bộ phận ở cao mà chính giữa; giống như núi nhạc vậy quá cao, nên có uy vũ, là trong tâm chính yếu, vì thế tam lữ ngày xưa phong đất cho các chư hầu là vậy.

Thiết chùy. Nay lại viết chùy này, lại viết cũng đồng. Ngược lại âm tử lụy. Quảng Nhã gọi là chùy là cái miệng. Chữ trong sách viết chữ chùy là cái mỏ của con chim, hoặc viết chùy, kiểm lại trong sách, sử các chữ, thì không có chữ này, chỉ có trong truyện Nghị Thất Kích Thi gọi là nghĩa là trống, chỗ trống, chỗ đất trống để uống nước suối, viết chữ

này âm cùng với âm dẫn cũng đồng, Ngược lại âm diễn.

Thám trắc. Ngược lại âm tha hàm. Theo văn nói cho rằng lấy tin từ xa gọi là thám; cũng gọi là thăm dò lấy tin vậy. Ngược lại âm dưới là đình giác. Nghĩa là chim ăn, mỏ con chim mở thức ăn mà ăn vậy.

Quyển túc. Theo Thanh Loại cho rằng: Viết chữ văn cổ, cũng đồng. Ngược lại âm ? ký viên. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Quyển là chỉ văn thư của quan, quyển thi, hồ sơ. Theo A Truyện cho rằng: Quyển là uống cong lại uốn khúc.

Pháo hội. Văn cổ viết hội, cũng đồng. Ngược lại âm là đối. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Hội là một bên bị khuyết. Theo văn nói nghĩa rỉ ra, bị vỡ đê, nước chảy tràn.

Tai khô. Ngược lại âm. Giải thích tên gọi là lửa, chỗ lửa thiêu đốt sức lửa quá mạnh nên gọi là tai nghĩa hỏa hoạn. Cũng gọi là thiêu đốt. Âm tai ngược lại âm tợ nhần.

(Tiếp theo trang 626) Âm vĩ. Lại viết chữ vĩ này, cũng đồng ngược lại âm nãi điệu. Theo chữ vĩ nghĩa là tiểu tiện.

Lâm lậu. Ngược lại âm lực kim. Tam Thương cho rằng: Lâm là nước thấm ướt, nghĩa là mồ hôi, đầm đìa, nhễ nhại.

Tủng lật. Ngược lại âm tứ dũng. Ngược lại âm dưới là lực chất. Gọi là sợ hãi, run sợ. Run rẩy sợ sệt. Lật cũng gọi là ưa thích.

Tô-đà-vị. Trong kinh xưa viết là Tu-đà-phạn. Trung Hoa dịch là thức ăn cam lộ ở cõi trời.

Tưởng hóa. Lại viết là tưởng, cũng đồng. Ngược lại âm tử lượng. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Tưởng là khen ngợi, khen thưởng, cũng gọi là khen thưởng sự thành công, trợ giúp vậy.

Phấn qua. Ngược lại âm phương vấn. Quảng Nhã cho rằng: Phấn chấn. Chữ viết từ bộ đại đến bộ duy, bộ điền.

Huy nhần. Ngược lại âm hứa quy. Theo văn nói cho rằng: Huy là phấn chấn, chỉ huy. Quảng Nhã cho rằng: Huy là dao động huơ múa.

Khỉ điền. Ngược lại âm đồ kiên. Chữ lược. Gọi là đồ trang sức của phụ nữ hình hoa bằng kim loại.

Xa lộ. Trong bốn văn lại viết lộ, cũng đồng. Ngược lại âm hư cố. Bạch Hổ Thông gọi là tên của chiếc xe. Là lộ. Lại nói rằng sở dĩ chỗ đi là con đường, hoặc nói rằng: Con đường chánh, ngay thẳng; nói rằng người quân tử đi trên chiếc xe chạy trên đường ngay thẳng. Trong Mao Thi Truyện chú giải rằng: chiếc xe của người quân tử là đi trên con đường lớn.

Liễn dư. Liễn dư ngược lại âm lực triển. Ngược lại âm dưới là

dương chữ. dương như hai âm: Liễn: Nghĩa là người khác kéo xe. Nay gọi là xe của vua đi, cũng gọi là chuyên chở. Chiếc xe không có bánh gọi là dư, cũng gọi là đám đông, luận bàn, dư luận quần chúng.

Nhĩ đàng. Ngược lại âm đồ đường. Giải thích tên gọi là Xỏ lỗ tai đeo châu ngọc gọi là đàng, tục này vốn xuất phát từ nước Tây Nhung.

Nhi hoạch. Ngược lại âm hồ quách. Gọi là cắt cỏ gọi là nghệ xy; Thu hoạch ngũ cốc, lúa thóc gọi là hoạch. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Tháng 10 thu hoạch lúa là vậy. Nay văn thông dụng cũng thường hay nói vậy.

Hoàng tráng. Ngược lại âm hồ băng. Nhĩ Nhã cho rằng: Hoàng cũng là tráng; nghĩa là rộng lớn, đồ sộ; hoàng cũng gọi là ngôi nhà đồ sộ, rất sâu vách tường bao quanh có âm vang khi nói, tiếng nói có vang lại âm hưởng có thể dung chứa tất cả các vật.

Hội xa. Ngược lại âm hồ hội; nghĩa là nhiều màu sắc hòa lẫn với nhau, tạp sắc. Sách Luận Ngữ gọi là Sau khi có nền trắng rồi mới vẽ nên bức tranh. Trịnh Huyền cho rằng: Hội là vẽ. Sách Thượng thư cho rằng: Ở núi Long Hoa có loại côn trùng nhiều màu sắc gọi là hội. Sách Khổng An Quốc gọi Hội, tức là hợp lại, hội hợp năm màu sắc. Trong kinh xưa nói rằng: Các loại xe hoa trong vườn của vua.

Cổ táo. Ngược lại âm công hộ. Ngược lại âm dưới là tiên đảo. Gọi là cổ động, táo là tiếng nói kêu gọi; tiếng quát to, gọi là táo. Sách Gia Ngữ gọi là tiếng hò la hét của Định Công người nước Tống để xua đuổi trộm cướp vậy.

Đàm hước. Ngược lại âm hứa ngược. Sách Nhĩ Nhã gọi là làm trò hài hước, cũng gọi là cùng nhau làm trò vui đùa, hài hước cũng gọi là vui đùa, vui vẻ.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 5, 6

Bất nhiều. Ngược lại âm nãi liểu. Theo văn nói. Nhiều nghĩa là gây rắc rối nhiều loạn, làm trò nghịch ngợm. Tam Thương gọi là nhiều làm trò đùa vậy.

Ky du. Ngược lại âm cư nghi. Quảng Nhã gọi là nhà trọ gọi là ky, nhà khách ở trọ. Âm kiều ngược lại âm kiều vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 7

Táp nhiên. Ngược lại âm tăng hợp. Nghĩa là rất nhanh chóng; Lại cũng gọi là tiếng gió vi vu thổi lá cây rụng. Quảng Nhã cho rằng: Táp là tiếng gió thổi vi vu.

Từ tự. Ngược lại âm tự tự. Ngược lại âm dưới là từ lý. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Từ là cúng tế trời; tự là cúng tế đất vậy.

Thể dẫn. Ngược lại âm dĩ chấn. Nhĩ Nhã cho rằng: Dẫn là kế tự. Theo văn nói gọi là con cháu cùng nhau thừa kế gọi là dẫn vậy.

Bạc thực. Ngược lại âm. Ngược lại âm dưới là thần chức. Trong sách Hán Thư gọi là mặt trăng, ánh sáng chiếu tới quả đất của mặt trời, mặt trăng bị che khuất, gọi là bạc, cũng gọi là hủy hoại, tổn thương, gọi là thực giải thích tên gọi mặt trăng, bị tổn thương gọi là thực ; nghĩa là mặt trăng bị xâm hủy tổn thương giống như là loài côn trùng ăn lá cây cỏ vậy.

Hương khư hoặc gọi là sương khư, hoặc viết như sương khư. Lại viết Thảng khư. Đều là Phạm âm, đọc có nặng có nhẹ. Đây dịch là cụ nghĩa là đầy đủ; cũng nói là kha dị. Là tên vậy.

Sở kỳ. Ngược lại âm cự y. Theo chữ kỳ nghĩa là cầu phước. Nhĩ Nhã cho rằng: Kỳ là báo cáo cho biết, kêu gọi, kỳ cũng có nghĩa là cúng tế kêu gọi mà báo cáo, mời thỉnh các việc vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 8

Lưu khái. Lại viết khái, cũng đồng. Ngược lại âm ư cách. Gọi là ép con bò xuống cũng có nghĩa là người đứng đầu vậy.

Quân đa. Ngược lại âm cư vận. Đây có hai nghĩa, một gọi là con kiến, hai gọi là trứng của con kiến. Đã bao hàm hai nghĩa cho nên sắp bày, đặc để nguồn gốc là tên gọi vậy.

Thao san. Ngược lại âm Tha lao. Ngược lại âm dưới lại viết thiết cũng đồng. Ngược lại âm tha kiết. Theo tả truyện chú thích rằng: Người đàn bà có con bất tài tham nơi ăn uống, vui sướng nơi của cải tiêu xài phung phí phá hoại mà không biết nhớ tới công lao cực khổ của người dân gọi “thao san” Đỗ Dự gọi là tham tài của cải gọi là thao. Tham ăn

uống gọi là san vậy.

Phạt truất. Lại viết truất, cũng đồng. Ngược lại âm sĩ luật. Nghĩa là có tội nhỏ gọi là phạt. Quảng Nhã cho rằng: Truất là phế bỏ, truất phế, cắt chức, cũng gọi là buông bỏ, thả ra, cho thối lui vậy.

Tạp ôi. Ngược lại âm ô tội. Chữ ôi nghĩa là ác. Theo chữ ôi nghĩa là số đông, nhóm họp đông đảo làm tạp loạn làm những điều xấu ác, hỗn loạn vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 9

Ân tạo. Ngược lại âm tại lão. Quảng Nhã giải thích rằng: Tạo nghĩa là thành công. Gọi là nghĩa là thành tựu, đây là nói người làm việc.

Khốc bạo văn cổ lại viết ba chữ khốc tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm khẩu mộc. Theo văn nói khốc nghĩa là cấp bách, nhanh chóng, rất quá đỗi, cũng gọi là bạo ngược.

Tư thố. Ngược lại âm thị tà. Giăng lưới bắt thỏ gọi là tư. Tư nghĩa là che, che trùm để bắt thỏ vậy.

Bốc-yết-bà. Ngược lại âm cư yết. Lại viết Bốc-yết-sa. Đây là chuyển Thanh Loại đọc; cũng gọi là trừ bỏ dọn sạch các phân dơ quanh chỗ thầy chết v.v... chủng loại hạ tiện vùng đất xa xôi hẻo lánh.

Trì sính. Ngược lại âm trực tri, âm dưới là sửu lĩnh. Quảng Nhã cho rằng: Chạy nhanh, ngựa chạy nhanh, phi mau.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 10

Hắc yểm. Ngược lại âm ư điện. Gọi là thằng ngốc mặt đen; Theo văn nói nghĩa là đen ở trong vậy.

Khu khúc. Ngược lại âm vu phủ. Văn thông dụng gọi là cái lưng cong. Người gù lưng, cũng gọi là cong vậy.

Suyễn thấu. Ngược lại âm xương nhuyễn. Gọi là hơi thở hỗn hển. Ngược lại âm dưới là tô đậu. Theo văn nói thấu là hơi đi ngược lên, gọi

là bệnh suyễn.

Lũ tiền. Ngược lại âm Lực chủ. Một người mà khom xuống, lại thêm một người khom nữa, người thứ ba khom cúi xuống thì thân cong lại gọi là người gù lưng.

Uông luy. Ngược lại âm ô hoàng. Uông nghĩa là gây yếu. Văn thông dụng gọi là thấp nhỏ gọi là uông, uông nghĩa là ô yếu bệnh hoạn, nhỏ bé vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 11

Hoan ngu. Giải thích văn chữ cổ, văn cổ viết hý. Nay viết là ngu, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nghi khu. Theo văn nói cho rằng: Ngu là làm trò vui. Chữ trong sách viết hý cũng nghĩa là làm trò vui, tóm lại hý là làm trò vui vậy.

Do dự. Ngược lại âm dục chu. Âm dưới là dĩ giá. Theo văn nói ở vùng Lũng Tây gọi con chó là do ; Nghĩa tính nó đa nghi do dự trước mặt người không quyết định. Cho nên đều gọi là do dự. Nhĩ Nhã gọi là do là giống thú thên nó giống như con hươu, nó hay leo trèo lên cây vậy.

Sai độ văn cổ viết là tai sai, hai chữ tượng hình. Nay lại viết thái, cũng đồng. Ngược lại âm thô lai. Gọi là sai nghĩa là nghi ngờ. Ngược lại âm dưới là đồ đồ các. Độ nghĩa là trắc lượng đo lường.

Tiểu đệ. Ngược lại âm đồ kế. Theo sách Lễ Ký cho rằng: đệ là không thể mở mắt to mà nhìn. Trịnh Huyền cho rằng: Đệ là nhìn nghiêng. Tiếng địa phương gọi là giữa nước Trần và Sở thù địch nên liếc nhìn thăm dò gọi là đệ. Trong sách toán văn gọi là cố nhìn gọi là đệ.

Á Á. Ngược lại âm ất cách. Giải thích theo chữ gọi là tiếng cười; gọi khác nữa nghĩa (T627) là nói cười, tiếng nói cười á á là vậy.

Khí trượng. Ngược lại âm khư dị. Âm dưới là trị lượng. Theo sách Hán Thư gọi là chế ra các loại khí giới. Theo sách Phẩm Ứng Thiệu nói rằng: Bên trong đầy đủ gọi khí; bên ngoài đầy đủ gọi là giới. Cũng gọi là không đầy đủ là khí trượng, nghĩa là loại binh khí, có năm loại binh khí mà người lính cầm trên tay gọi là trượng.

Hội nghị. Ngược lại âm. Âm dưới là nữ hiếu. Theo văn nói Hội là loạn. Sách Vân Tập gọi là Thị nghĩa là ổi là tạp loạn, hỗn tạp. Ổi cũng

là nhóm đông đảo. Chữ thị viết từ bộ Thị, đến bộ chữ chỉ ý; hoặc viết náo là văn thường hay dùng vậy.

Khẩn đáo. Ngược lại âm khẩu hận. Văn thông dụng cho rằng: Rất thành thật, chí thành gọi là khẩn. Khẩn cũng gọi là kiên nhẫn, đến rất nhanh, rất khổ nhọc vậy.

Hiệp tiểu. Lại viết hiệp này, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm hồ giáp. Theo văn nói gọi là tên không rộng rãi vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 12

Xích át. Lại viết át, cũng đồng. Ngược lại âm ô khóa. Át là loại chim sẻ, cũng gọi là chim bồ câu cùng một tên. Sách Ứng Toán cho rằng: Mở trong ra lấy xác con chim sẻ chôn đóng đất đã thối rửa. Theo sách giải thích rằng con chim sẻ nó dài chỉ một thước, đây tức là tên gọi vậy. Lại viết hạn là cái ao nước nhỏ đã cạn nước vậy.

Bạng hợp. Ngược lại âm bổ giảng. Âm dưới là cổ hợp. Con trai tự xuất ra hạt ngọc trai rất đẹp. Theo chữ giải thích rằng: Con yến tước hóa thành, đợi tới tháng thì con trai nở ra hạt châu thật; mỗi ngày thì con trai chỉ sanh ra ấu trùng, rồi tan biến mất vậy.

Dục bác. Ngược lại âm đồ gian. Văn thông dụng gọi là nắm tay tròn lại gọi là bác. Lại nói rằng có thể là vật tròn tròn. Theo nước Tây Vực: Phong tục là sau khi tắm rửa xong, lấy cục đá vụn đập vỡ quả trái ra, hoặc là dùng lạc nấu thành tồ rồi dùng tay chà xác lên trên thân, để cho thân thể được trơn mịn, và ra hóng gió cho khô cho nên gọi là dục bác.

Ốc-bát-la. Ngược lại âm ô một. Đây dịch là hoa màu đen. Xưa nói là Ưu-bát-la, hoặc viết là Âu-bát-la đều là sai vậy.

Ha sát. Ngược lại âm xỉ dật. Tiếng địa phương cho rằng: Ha là giận dữ, tức giận, trách mắng gọi là ha sát, cũng gọi là mắng nhiếc. Theo sách Lễ Ký gọi là Trước mặt khách tôn trọng thì không có la hét mắng chửi là vậy.

Nhẫm nhiễm. Ngược lại âm nhi thậm. Ngược lại âm dưới là nhi diêm. Gọi là rất mau, chợt đến chân nhân, chỉ một tích tắc của đồng hồ, chỉ thời gian dần trôi qua vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 13

Yến tọa. Trong Thạch Kinh gọi là văn cổ, viết. Ngược lại âm nhất kiến. Theo văn nói cho rằng: Yến là an ổn vậy, cũng gọi là nghỉ ngơi.

Đào luyện. Ngược lại âm đồ đao. Gọi là ra nhiều công sức, đào gọi là người thợ làm đồ gốm sứ. Luyện gọi là lược cho tiêu, chín, cũng gọi là khuôn đúc. Gọi là rèn luyện cho nhuần tay nghề.

Nhuận hiệp. Lại viết hiệp này, cũng đồng. Ngược lại âm hồ giáp. Theo văn nói hiệp nghĩa là thấm ướt. Tam Thương cho rằng: Hiệp là thấu triệt, thông suốt vậy.

Đát lẫm. Ngược lại âm đô đạt. Âm dưới là lực tạm. Xưa dịch là Tu-đa-la; hoặc viết là Tu-đổ-lộ. Đây dịch là tàn, nghĩa là còn sót lại, còn dư lại.

- **QUYỂN 14:** Không có từ âm nghĩa

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 15

Xướng nữ. Ngược lại âm xử dương. Xướng nghĩa là dâm dục, phóng đãng. Theo văn nói xướng nghĩa là vui

Bất tổn. Ngược lại âm. Giải thích theo chữ tổn nghĩa là nhường nhịn, thuận theo, khiêm nhường, cung kính, khiêm tốn lễ phép.

Hiển triết. Ngược lại âm hồ kiên. Hiển triết là danh xưng đẹp gọi người có học thức. Lại cũng gọi là đa tài, hiển sĩ, hiển minh cho nên chữ viết từ bộ bối lại thêm bộ thần viết thành chữ hiển. Nghĩa là bảo quý của quốc gia, dùng cũng giống như tài sản vật báu đồng nhau vậy. Cho nên chữ viết từ bộ bối là của báu tài sản. Chữ chỉ ý. Âm dưới lại viết triết, cũng đồng. Ngược lại âm tri liệt. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Triết là biết. Tiếng địa phương cho rằng: Thông suốt giữa Tê và Tống gọi là biết, là triết triết cũng gọi là hiểu biết thông suốt trí tuệ chiếu khắp vậy.

Mục huyền văn cổ viết tuần, cũng đồng. Ngược lại âm hồ biên hồ quyên hai âm. Theo chữ huyền nghĩa là loạn, hoặc bị ngăn che, hoa mắt. Tam Thương cho rằng: Huyền là nhìn không thấy rõ.

Giác phong. Ngược lại âm phi phong. Lại là âm phong. Nay có

loại bò này thân hình của nó nhỏ mà trên lưng nó có sắc phong tước vị vậy.

Tê thanh. Lại viết tê, cũng đồng. Ngược lại âm tô hê. Theo văn nói cho rằng: Tê là tiếng than thở bi thương. Tiếng địa phương cho rằng: tê là thán từ, tự biểu thọ hoài nghi, cũng là tiếng Phạm yếm, úm. Từ của nhà Phật. Phạm ngữ thuộc kinh Phật.

Hao hồng văn cổ viết hao, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm hồ giao hồ giảo hai âm. Theo văn nói nghĩa là tiếng con cọp gầm rống. Một gọi là tiếng con sư tử tức giận rống lên. Âm dưới lại văn cổ viết hao hồng hai chữ tượng hình. Nay lại viết câu lại viết hồng cũng đồng. Ngược lại âm hồ cầu. Theo Thanh Loại gọi là tiếng đê trong mặt chú phạm ngữ.

Bao bột. Ngược lại âm bổ giao. Âm dưới là bổ một. Theo văn nói cho rằng: Tiếng gầm rống của sư tử; chữ bột nghĩa là sân giận của sư tử; chữ bột nghĩa là sân giận, nổi giận, tức giận.

Điên quệ. Ngược lại âm đình hiền. Ngược lại âm dưới lại viết sấn đồng. Ngược lại âm cư nguyệt. Theo văn nói chữ điên nghĩa là đi vấp chân ngã té. Quảng Nhã cho rằng: Điên là té nhàu. Chữ điên quệ nghĩa là vấp chân té ngã ngựa.

Lộc vị. Ngược lại âm lô ốc. Theo chữ văn cổ gọi là người không có cày ruộng cực nhọc mà lại ăn nhiều gọi là lộc. Cũng giống như người không có cửa cái ngồi ở ngoài hoang dã vào buổi chiều ăn thịt nai, người cày ruộng săn được nai. Có vị quan đi ngang qua ban tặng vật; sau khi chỡ người ăn thịt nai, được vật quan ban tặng nhân đây gọi là vì ăn thịt nai biến thành nai gọi là lộc. Lấy tích này nên có nghĩa là Thân lộc vậy.

Đôn túc văn cổ viết là đôn, cũng đồng. Ngược lại âm đô hôn. Theo văn nói đôn nghĩa hậu, đôn hậu, thật thà trung hậu. Túc là nghiêm túc, cũng gọi là nghiêm chỉnh, cũng gọi là cung kính vậy.

Kiến thất. Văn cổ viết kiến kiến hai chữ tượng hình. Nay viết chữ kiến này cũng đồng. Ngược lại âm cư triển. Âm dưới là cư khát. Theo phương ngôn gọi là kiến là xin ăn vậy. Theo tiếng nước Sở gọi gọi người nói khó, ăn nói trùng lặp, gọi là nói ngọng ngịu.

Sàm tặc. Ngược lại âm Thương hãm, sĩ tạm, hai âm. Nghĩa là chẳng phải thứ lớp mà nói. Nghĩa là nói lộn xộn. Theo sách Lễ Ký gọi là Người lớn không có nói năng lộn xộn là vậy. Sàm cũng gọi là tạm thời. Chữ viết từ bộ Nhân, hoặc có viết sàm này. Ngược lại âm tài nhiệm. Gọi là tiểu ẩm nghĩa là tiệc nhỏ vậy. Chữ sàm này chẳng phải

nghĩa đây dùng vậy.

Tùng kiên văn cổ viết ba chữ Tùng tượng hình. Nay lại viết tùng này, cũng đồng. Ngược lại âm tu phụng, sở hạng hai âm. Quảng Nhã cho rằng: Tùng là phần trên cao vậy.

Căn tài. Ngược lại âm tắc lai. Gọi là cây cỏ thực vật gọi là tài. Cũng gọi là trồng cây, cũng gọi các giống cây vậy.

Phòng na. Ngược lại âm phò phóng. Đây gọi là nữ công, như là thiêu, thùa, may vá các nghề thủ công vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 16

Hắc thuyết. Đại thuyết gọi là Phật và đệ tử chỗ nói pháp ác nên biết hổ thẹn gọi là Hắc thuyết; Chỗ nói thiện pháp gọi là đại thuyết. Lại có tứ quả của người của Độc giác. Bồ-tát v.v... chỗ nói pháp ác gọi là Hắc thuyết. Như Phật chỗ nói pháp gọi là đại thuyết vậy.

Hủy chi. Lại viết quĩ huy hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm huy ngục. Đều gọi là lửa, thiêu đốt cháy lan. Tiếng địa phương gọi khác, gọi tên khác vậy.

Đình la. Ngược lại âm đồ đình. Âm dưới là lực hạ. Theo sách Hán Gia giải thích rằng: Đời nhà Tần mười dặm đường lập mười cái đình để lưu lại nghỉ ngơi hoặc hóng mát. La nghĩa là phòng thủ, thuộc về trấn giữ biên giới phòng thủ, binh lính lấy việc tuần tra phòng ngự. Theo sách vân tập lược cho rằng: La cũng là tu sửa chẳng cho làm trái lại vậy.

Thân nặc. Lại viết nặc, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nữ ất. Sách Nhĩ Nhã gọi là thân cận gần gũi gọi là nặc. Lại cũng gọi là nhiều lần hỏi thăm, thăm viếng. Thân nặc là thân cận gần gũi, cũng gọi là quá thân thiết.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 17

Quỷ hiện. Ngược lại âm cư hủ. Chữ quỷ nghĩa là lừa dối, đánh

lừa, không chân thật. Quảng Nhã cho rằng: Quỷ là tùy theo nhắm mắt liêu mạng mà theo; cũng gọi là khinh khi, xem thường.

Oán vưu. Ngược lại âm vũ lưu. Xét chữ vưu cũng giống như chữ oán ôm lòng trách giận, sự hờn giận kẻ thù, vưu là việc làm sai trái, oán trách. Cũng có nghĩa là bắt chước thói xấu.

Phổ chúc. Ngược lại âm chu dục. Thương Hiệt cho rằng: Chúc là đèn chiếu sáng; cũng gọi là đốt lửa lên, ánh lửa chiếu sáng.

Giai ngẫu. Ngược lại âm hồ giai. Âm dưới là Du khẩu. Quảng Nhã cho rằng: Giai là hòa, ngẫu là hợp. Hòa hợp là vợ chồng vậy.

Thân khang ? Ngược lại âm khổ lang. Khang nghĩa là thân không có bệnh tật, là an vui, cũng gọi là tịnh an tịnh.

Sở huệ. Ngược lại âm hồ khuê. Theo sách Chu Lễ gọi là cho người trí huệ. Trịnh Huyền cho rằng: Ban tặng cho người y phục thức ăn gọi là huệ. Mạnh Tử cho rằng: Phân phát cho người tài vật gọi là. Ý nghĩa là có lòng nhân ái. Huệ là ban ân huệ, có lòng nhân ái vậy.

Tiện chất. Ngược lại âm trắc trần. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chất là đạt tối vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 18

Thiện danh. Ngược lại âm thị chiến. Theo văn nói nghĩa là thiện là duyên nhất, duyên quyền.

Nặc-cù-đà. Trong kinh xưa cũng viết là Ni-câu-đà, hoặc viết là câu xúc sắc, cũng viết là Ni-câu luật. Lại cũng viết câu loại đều sai. Trong kinh xưa dịch là vô tiết, không có thứ lớp, hoặc nói là theo sự rộng rãi.

Ma-ca cũng nói là Ma-cổ-ca. Trong kinh xưa lại viết Ma-lâu-ca. Đây cũng gọi là kiêu loại mạn. Loại thảo mộc hay mọc quanh cây loại giây quấn quít cây cổ thụ đến chết vậy.

Hung hoạt. Lại viết cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm hứa ngưng. Âm dưới là hồ quát. Quảng Nhã cho rằng: Cung là ác vậy. Chữ trong sách viết là, nghĩa là gian xảo. Tiếng địa phương gọi là Thăng nhóc con nghịch ngợm xảo trá, hoặc gọi là gian xảo, quấy phá, quấy nhiễu.

Sao lỗ. Ngược lại âm lực cổ. Theo sách Hán Thư cho rằng: Được sống gọi là lỗ. Bị chém đầu gọi là hoạch. Nghĩa hai bên giao chiến với

bắt được làm tù binh. Lỗ nghĩa là cướp lấy đoạt lấy.

Khuy du. Ngược lại âm khuỵ quy. Âm dưới lại viết du, cũng đồng ngược lại âm qua chu. Theo văn nói cho rằng: Khuy là nhìn trộm.

Sở thất. Ngược lại âm sơ lữ. Một là hình. Hán Thư cho rằng: Tên là lục. Giả Quỷ cho rằng: Thái Trang Vương tên là Sở. vì đổi lại tên hình. Dùng để đi du hành ở thế gian đánh dẹp. Một hôm Sở rủ người xuống, tức là bị bệnh. Nhân đây nên tên gọi là Sở thống.

Dung nhân. Ngược lại âm chữ cung. Dung nhân gọi là người tầm thường, ngu muội, thấp bé. Trong lòng không tiết chế sân hận, miệng không có nói pháp được; nên nói rằng lấy kẻ ác làm bạn vậy.

Khắc phục. Lại viết khắc này, cũng đồng. Ngược lại âm khẩu đắc. theo chữ khắc là có thể. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Khắc là có thể thắng, vượt qua.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 19

Chế đa. Xưa nói là chi đề, hoặc nói là chi đế, đều là một nghĩa. Đây dịch là chỗ có thể cúng dường, gọi là Đức Phật lúc sơ sinh đến thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn, đều nên cung kính cúng dường, thì sẽ sanh ra các phước báo vậy.

Vi dung. Lại viết dung dung, hai chữ tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm canh trừỵ. Nhĩ Nhã cho rằng: Bức tường gọi là dung nghĩa là bức tường bao quanh thành, cũng gọi là thành lớn.

Thắng nhâm. Lại viết thắng, cũng đồng. Ngược lại âm nữ tâm. gọi là bức tường nối tiếp nhau, cũng gọi là đầu mối dây, của bộ máy chính.

Tinh tao. Lại viết tinh này, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm tiên đình. Âm dưới là tiểu đao. Tinh tao là mùi tanh của thịt sống. Văn thông dụng gọi là ngửi mùi tanh của cá gọi là tinh. Mùi tanh của con hoẵng, hươu trong rừng gọi là táo. Âm giả ngược lại âm da.

Cao tường. Ngược lại âm ngũ cao. Gọi là bay lượn vòng quanh, bay mà không động gọi là tường. Giải thích tên gọi là cao nghĩa là dạo chơi, cũng nói là ngao du, đi khắp đó đây vậy.

Âu kích. Ngược lại âm ư khẩu. Theo văn nói: Âu kích là dùng tay đánh. Chữ viết từ bộ phộc.

Luân đọa. Ngược lại âm lực quân. Quảng Nhã cho rằng: Luân là chim đấm xuống (T.628) nước vậy.

Tả đạo. Ngược lại âm tư khả. Âm dưới cũng như âm trên. Nghĩa là ở bên phải không tiện. Theo sách Lễ Ký gọi là, chấp Tả đạo lấy làm loạn chúng. Trịnh Huyền cho rằng: Tả Đạo cũng giống như con sâu mọt và thế tục cấm không được gần vậy.

Y cần. Lại viết chữ cần này cũng đồng. Ngược lại âm cự trấn. Theo chữ cần nghĩa là tài năng, cũng gọi là kém.

Ba-la-diên. Ở Tây Vực gọi tên là áp lạc. Tên chữ là A-thị-đa Di-lặc. Hoặc là viết A-giả-đa. Đây dịch là vô thắng; cũng gọi là vô nhân năng thắng. Xưa gọi là. A-dật-đa là sai vậy.

Sở nhược. Ngược lại âm ha các. Theo chữ giải thích rằng: Loại côn trùng độc. Quảng Nhã cho rằng: Loại côn trùng này là con giòi nó đem đến độc hại làm gây bệnh cho con người.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 20

Đạt tu. Đây gọi là các người thức nhỏ yếu ở. Ở trong Phật pháp không thể kiên cố tu trì.

Miệt-lệ-xa. Ngược lại âm mạc kiết. Ngược lại âm dưới là lực kế. Xưa gọi là di-lệ-xa. Đây dịch là Người an vui với cấu uế, dơ bẩn. Những người này toàn không hiểu biết Phật pháp.

Ngoan hiêu. Ngược lại âm ngô úy. Âm dưới là ngư cân. Quảng Nhã cho rằng: Ngoan là lục, không bén, tính chất ngu muội, đần độn. Tam thương cho rằng: Hiêu là ác, là hung hăng.

A-giá-lợi-tà. Đây dịch là Quỷ Phạm sư; là người thầy làm mô phạm. Trong kinh xưa hoặc là viết A-kỳ-lợi, hoặc viết là A-xà-lợi. Dịch nghĩa là chánh hạnh, hoặc gọi là người ở trong giáo pháp khéo léo làm thầy, làm giáo thọ, khiến cho đại chúng hiểu biết mà học hỏi, cũng gọi là A-xà-lê vậy.

Đàm thoại văn cổ viết ba chữ tượng hình, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm hồ khoái. Nghĩa là hội hợp lại khéo nói chuyện vậy.

Táo động. Lại viết là táo, cũng đồng. Ngược lại âm Tổ đáo. Táo nghĩa là quấy động; cũng gọi là không an tịnh.

Khái quán. Ngược lại âm ca quán. Theo văn nói: Khái quán nghĩa là rót nước vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 21

Trần vũ. Lại viết chữ vũ, chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm vu bỏ. Chữ là cái nhà lớn. Giải thích tên gọi là vũ giống như đôi cánh của con chim tự bay đi, tự che phủ khắp cả không gian. Nay gọi là ở trong nhà; cũng giống như ở trong nhà trần lao; hằng bị bụi trần dơ bẩn không được an tịnh vậy.

Tăng-già-tri. Ngược lại âm trắc thi. Đây dịch là hợp, hoặc nói là trùng, hoặc gọi là hạt. Tất cả đều hợp thành từng lớp mà làm cái y vậy. Trong kinh luật xưa. Lại viết là Tăng-già-lê hoặc viết là Tăng-già-tri đều sai vậy.

Lâm tẩu. Ngược lại âm tăng câu. Nghĩa là đất bằng mọc cây cối um tùm gọi là Lâm tức là rừng vậy. Cái ao mà không có nước gọi là tẩu.

Nghiêm tạc. Ngược lại âm ngư kiểm. Tạc là người rất quá nghiêm túc. Cũng gọi là nghiêm. Trong kinh gọi là tạc là người khách rót rượu mời chủ.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 22

Mộc. Ngược lại âm hư vị. Hủy là từ gọi chung các loại cỏ. Thời vua Thiệu Trị gọi là Thấm mưa mọc trăm cây cỏ tốt tươi sinh sắc. Tiếng địa phương gọi là giữa Đông việt, Dương châu, gọi các loại cỏ là hủy.

Xu-diệu. Ngược lại âm sung chu. Theo văn nói cho rằng: Người con gái đẹp gọi là xu. Tiếng địa phương cho rằng: Giữa trời đại yến; nước Triệu, Ngụy gọi cái gì tốt đẹp là xu.

Uất chứng. Ngược lại âm ư vật. Âm dưới là chi thẳng. chi thẳng hai âm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Uất là khí, hơi rất thanh mãn. Văn nói cho rằng: chứng đốt lửa nấu nước bốc hơi lên. Cũng gọi là hơi nóng chứng, hấp bốc lên.

Phiêu dương. Ngược lại âm dư thượng, dư chương hai âm. Gọi là gió cuốn tốc lên, tung lên vậy.

Phân phức. Ngược lại âm phu vân. Âm dưới là phò phức. Phân là mùi thơm bát ngát. Phức là hương thơm ngào ngạt vậy.

Yếu thệ. Lại viết yếu cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ư kêu. Theo văn nói cho rằng: Yếu là chết oan uổng. Quảng Nhã cho rằng: Yếu là chết non. Giải thích tên gọi là còn thiếu niên, tuổi trẻ mà chết gọi là yếu; cũng giống như lấy vật ở trong mà bề gãy mất cái đầu; cũng gọi là chưa hết tuổi thanh niên mà chết gọi là yếu. Đây lấy nghĩa chữ thệ là chết vậy.

Oán thù. Ngược lại âm thị do. Oán nghĩa là vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa sanh ra oán; gọi là thù, là đối với nhau thù oán. Nhĩ Nhã cho rằng: Một mảnh cự thù, một mảnh oán thù vậy.

Lê giá. Ngược lại âm lực hề. Nhĩ Thất cho rằng: Lê giá số người đông, nghĩa là trăm họ.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 23

Nha thấu âm trên là hứa nha. Âm dưới là tô đậu. Nha nghĩa là nhiều hơi quá thành bệnh gọi là nha. Chữ viết từ bộ khẩu.

Táp ế. Lại viết oán, cũng đồng. Ngược lại âm ư việt. Âm dưới là nhất kết. Văn thông dụng cho rằng: Hơi đi ngược lên gọi là tấp. Tắc nghẹn ngăn cổ hầu gọi là ế.

Điên giản. Lại viết chữ điên này. Cũng đồng. Ngược lại âm đô hiền. Âm dưới là hạch gian. Quảng Nhã cho rằng: Điên là bệnh điên cuồng, bệnh kinh phong. Theo Thanh Loại cho rằng: Giản là đứa trẻ bị bệnh động kinh, điên cuồng.

Âm truy. Ngược lại âm đô lôi. Gọi là bệnh âm. Giải thích tên gọi là lớp dưới gọi là truy.

Câu sư. Lại viết chữ huyễn cũng đồng. Ngược lại âm sở luật. Chữ lượt gọi là tướng sư, tướng hành; Gọi là tướng lãnh, người cầm đầu quân số đông.

Toàn dư. Ngược lại âm thô hiệt. Toàn nghĩa là quăng ném; âm dưới lại viết mâu dư hai chữ tượng hình, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm mạc hậu. Theo văn nói gọi là cây mâu là loại binh khí ngày xưa dài hai trượng.

Cập dung. Ngược lại âm dĩ chung. Ở Giang Nam dùng làm khuôn đúc kim khí, gọi là dung. đây là âm gọi là dung thắm. Nghĩa là lò đúc đồng, nấu đồng, nấu loại kim cho chảy ra nước.

Đầu đường. Lại viết đường này cũng đồng. Ngược lại âm đồ lãng. Lại viết là dương đường. Lại cũng viết là sa đường, đường cát; đây là cây mía nấu kết tinh thành đường. Chữ dương ngược lại âm tợ doanh.

Thư chả. Ngược lại âm trắc ư. Âm dưới là trang nhã. Gọi là chả nghĩa là cá ướp muối để dành lâu làm món ăn, là cá măng, cá ướp muối, cá khô. Theo sách Chu Lễ cho rằng: Cho thêm năm gia vị bảy gia vị thành cá ướp. Trịnh Huyền cho rằng: Xắt nhỏ làm gia vị, toàn là các vật: như củ cải muối, cá ướp, ở Trung Quốc đều gọi là gia vị. Ở Giang Nam đều gọi là cá ướp gia vị, củ cải ướp gia vị. Ngược lại âm trị triếp, hoặc viết là thư. Ngược lại âm tử dư đều sai.

Phách cúc. Ngược lại âm phổ mạch. Âm dưới là cự lạc. Tam Thương gọi là trái cầu lông có thể dùng làm trò chơi vậy.

Thác thạch. Văn cổ lại viết thác thác hai chữ tượng hình. Nay viết thác cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm tha các. Nghĩa là khai thác mở mang vậy.

Nhượng tý. Ngược lại âm nhi dương. Nhượng là bài trừ bỏ ra. Gọi là bỏ tay áo ra, để lộ cánh tay trần vậy.

Khái oán. Lại viết mãn, cũng đồng. Ngược lại âm ư trách. Theo văn nói cho rằng: mãn nắm giữ. Theo sách sử ký cho rằng: Kẻ sĩ ở trong thiên hạ lấy lời nói bao quát tất cả vậy.

Kích kiếm. Ngược lại âm cổ lịch. Gọi là lấy cây kiếm dài, đọc sức cùng với cây kiếm ngắn rồi đánh với nhau vậy.

Phục nỗ. Ngược lại âm phò phúc. Âm dưới là nô cổ. Nghĩa là ẩn nắp mai phục mà phát ra, bắn ra. Trong sách Hán Thư Cao Tổ nói rằng: Cánh tay mà nói cái chân, cái chân mà nói ngón tay, nghĩa là nói một đằng làm một nẻo là vậy.

Khống huyền. Ngược lại âm khổ cống. Theo sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Khống là dẫn dắt, hướng dẫn, lôi kéo. Theo văn nói gọi là đột quyết gọi dẫn cây cung gọi là khống, khống dẫn là vươn cung nhắm bắn vậy.

Đầu luân. Đầu nghĩa là ném, phần nhiều dùng các nước phương Tây. Đây gọi là xe chiến đấu, xe đi đánh trận, xe ở giữa có lỗ tròn bao quanh xe, bên ngoài có bọc thiết, thép, có những cây nhọn, cây sủng nhọn, rất nhạy bén, dùng sợi dây cương căng lên mà bắn, ném, hoặc ở trong chặt phá.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 24

Dững hăn. Ngược lại âm cổ thư. Quảng Nhã cho rằng: Dững hăn nghĩa là quả cảm, dũng mãnh. Theo văn nói gọi là người cánh tay có sức mạnh không ai có thể ngăn được.

Thí yển. Ngược lại âm hữ yển. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Là tấm vải trướng ra căng ra trên mui xe gọi là yển.

Phòng tuệ. Lại viết tuệ cũng đồng. Ngược âm tư túy. Phòng là nơi cư ngụ. Nói rằng: Gia đình con cái ở trong nhà này. Tuệ theo văn nói cho rằng: Những bông tươi tốt, thâu hoạch được người ta gọi là tuệ.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 25

Nại chùy. Ngược lại âm nô đại. Âm dưới là trực truy. Tam Thương cho rằng: Nại là nhẫn, nhẫn nại. Trùy là đánh, đập vậy.

Sâm độc. Lại viết trảm, cũng đồng. Ngược lại âm sơ đồng. Thảm nghĩa là độc ác. Văn thông dụng gọi là đất cát bay vào thức ăn gọi là thảm vậy.

Kiên kinh. Ngược lại âm cư thanh. Theo chữ kinh nghĩa là sức mạnh. Chữ viết từ bộ lực.

Cật nan. Ngược lại âm vân nhất. Quảng Nhã cho rằng: Cật là hỏi cặn kẻ chất vấn, trách móc.

Thủ thích. Ngược lại âm tri liệt. Âm dưới là thư diệc. Quảng Tây cho rằng: Do chuyển nơi này sang nước khác. Đây là âm, ngược lại âm hồ các. Ở Sơn Đông cũng gọi là đi. Đây là âm là con giòi trong đồ vật. Văn thông dụng vẫn nói đều gọi là loại côn trùng di chuyển độc hại. Quảng Nhã cho rằng: Thư là loại côn trùng gây bệnh.

Hiêu cử văn cổ viết cử cũng đồng. Ngược lại âm hứa kê. Hiêu nghĩa là nghị luận bàn bạc, cũng gọi là gây náo loạn không yên tĩnh. Đây là lấy Thanh Loại vậy.

Khất cát. Ngược lại âm cổ cát. Lại âm cát. Thương Hiệt cho rằng: Khất là đi cầu thỉnh, mời. Chữ viết từ bộ nhân đến bộ tê. Nói là người không có tài sản vật dụng thì đi cầu xin. Chữ chỉ ý.

Manh cổ. Ngược lại âm công hộ. Không có con mắt gọi là cổ. Giải

thích tên gọi là cổ. Tức là ngủ nhắm mắt, tức là mắt bằng phẳng giống như cái trống gọi là mùa lòa không nhìn thấy vật vậy.

Sa thích. Ngược lại âm thanh thạch. Tam Thương giải thích rằng: Thích là nước trong bãi cát. Âm thanh ngược lại âm tha nan. Theo văn nói cho rằng: Nước trong bãi đất nổi lên có đá gọi là than; tức là gềnh thác, nước cạn thấy đá vậy.

Trấn tuất văn cổ viết trấn trấn hai chữ tượng hình cũng đồng, ngược lại âm chủ dẫn. Sách Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Trấn là cứu giúp. Theo văn nói cho rằng: Trấn là đưa lên. Âm dưới lại viết tuất cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm tư duật. Theo văn nói cho rằng: Tuất là thấu nhận, thương xót, trấn tuất là thương xót người nghèo khổ, cứu giúp người nghèo khổ.

Cứu viện ngược lại âm vũ quyền. Cứu viện nghĩa là trợ giúp. Nghĩa là dựa theo sự kêu gọi ủng hộ mà trợ giúp vậy.

Sanh sắc. Gọi là nhuộm các màu sắc tức là màu vàng óng ánh, nói sanh ra các màu tức là màu vàng thì không thể biến đổi vậy. Có thể nhuộm tức là bạc; là có thể nhuộm ra các màu sắc khác vậy.

Trì xuế. Ngược lại âm sung nhuế. Theo chữ xuế nghĩa là lông con dê mịn; lông con thú mịn mượt cũng có thể gọi là xuế vậy.

Quynh dã. Ngược lại âm. Nhĩ Nhã cho rằng: Ấp ở vùng ngoài ven đô gọi là giao, vùng quanh ngoại thành, kinh đô gọi là mục. Quanh vùng quan nắm giữ quyền chặn dân gọi là lâm, mỗi cái cách bảy dặm. Vùng ven rừng hoang dã gọi là quynh, vùng ngoại thành hoang dã này không có số trăm dặm. Năm ấp của một thì phong tước nam. Là một trong năm tước phong ngày xưa, gọi là (công, hầu, bá, tử, nam) năm tước của nhà vua ban cho những vị có công với đất nước.

Nhược phách. Ngược lại âm bổ cách. Phách nghĩa là tách ra, xé ra. Quảng Nhã cho rằng phách là phân ra sắp xếp.

Dâm dật. Tam Thương cho rằng: Chữ dật này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm chữ nhất. Thương Hiệt giải thích rằng: Dật là phóng đặng, cũng có nghĩa là vui.

Phần bách. Ngược lại âm phò nghiêm. Tam Thương cho rằng: Danh số lên đến trăm Quảng Nhã cho rằng: Tổng số đều bằng nhau.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 26

Tiểu trát. Ngược lại âm. Tam thương cho rằng: Thị trát là văn thư. Nay ở Giang Nam gọi là chặt cây lột vỏ cây mỏng làm hộp gọi là thị, mở trong ra gọi là trát, hoặc viết là thị trát là văn thư âm thị ngược lại âm phu phế. Âm hiệt ngược lại là âm nhàn trát.

Lãng tăng. Ngược lại âm Lạc đặng. Ngược lại âm dưới là tổ tăng. Gọi là hình sắc quá buồn thảm.

Thảm liệt. Ngược lại âm thương cảm âm dưới là lực triết. Theo văn nói cho rằng: Buồn thảm. Liệt nghĩa là mãnh liệt dữ dội; nghĩa là sự lo buồn dữ dội, mãnh liệt.

Bội ác văn cổ bội bôi, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm bổ một, bổ hội. Quảng Nhã cho rằng: Bộ là loạn, cũng gọi là nghịch, phản bội, phản nghịch.

Thông mẫn. Ngược lại âm kiên dẫn. Nghĩa là mẫn là đạt, rõ ràng thông suốt. Quảng Nhã cho rằng: Mẫn là nhanh nhạy. Thông là biết trước, chính xác, rõ ràng; thông suốt vi diệu, sâu sắc, kỳ diệu.

Trào điệu. Lại viết trừ này cũng đồng. Ngược lại âm trúc thao. Âm dưới là đồ điệu. Tam Thương cho rằng: Tiếng lú lo rú rít, điệu nhạc du dương. Gọi là cùng nhau hòa điệu làm trò ca múa hát xướng vui vẻ vậy.

Hiệt-lệ-phạt-đa. Ngược lại âm hiền kiết. Đây gọi là qua thời; lại gọi là ở trong nhà nhìn ra thấy sao tú ở phương Bắc, thí cúng tế cầu được con. Nhưng đây là lấy tên giải thích thôi. Đây chỉ nói đến phương pháp tọa thiền là thứ nhất, nghĩa là tọa thiền lúc sao túc mọc ở phương Bắc là vậy. Trong kinh xưa nói là Lê-ba-đa, hoặc nói là Lê-bà-đa đều sai vậy.

Đạm phạ. Ngược lại âm đồ lã. Âm dưới là phổ bạch. Quảng Nhã cho rằng: Đạm phạ là yên tĩnh, thản nhiên, điềm tĩnh.

Tần cốt. Lại viết khoan cũng đồng. Ngược lại âm khổ hằng khổ côn hai âm. Bì thương gọi là mông đít rộng; cũng gọi là xương đùi trên vậy.

Lặc cốt. Ngược lại âm lực đắc. Theo văn nói cho rằng: Lặc là xương sườn; xương hai bên sườn. Chữ viết từ bộ nhục hoặc viết chữ lặc này là chẳng phải thể.

Lãnh luân. Ngược lại âm hồ cảm. Lãnh nghĩa là chiếc xe đứng đầu. Nói là xương tròn giống như bánh xe vậy.

Xỉ mạn. Ngược lại âm mạc ban. Nói rằng hình trạng sắp hàng thẳng giống như hoa mạn. Cho nên nhân đây mà đặt tên.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 27

Cân mạch. Ngược lại âm cư ngân. cư hân hai âm. Ngược lại âm dưới là vong ách. Theo văn nói cho rằng: Đức mạnh của thịt gọi là gân; hoặc viết là mạch, là văn thường hay dùng vậy.

Toàn toại. Ngược lại âm tổ thô, âm dưới lại viết đọa, cũng đồng. Ngược lại âm từ túy. Lửa cháy dữ dội. Sách Luận Ngữ cho rằng: Dụng cụ lấy lửa và các dụng cụ khác làm bằng gỗ. Ở thế gian vốn là người tạo dụng cụ lấy lửa, nhân đây mà đặt tên vậy.

Hoặc trân. Ngược lại âm sĩ cân. Quảng Nhã cho rằng: cây mọc um tùm gọi là trân; cỏ dại mọc um tùm gọi là bạc.

Hoặc chữ. Ngược lại âm chi dữ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Bãi cát nhỏ nổi lên giữa nước gọi là chữ, lại nói bốn bên đều có nước chính giữa nổi bãi cát, giống như là nói có thể ở cư trú gọi là chữ. Gọi là cồn cát.

Tất-bát-la phong. Nói Phong là thân người làm việc, nói Tất-bát là hình thể con người vậy.

Tỳ-thấp-bà phong. Lại nói Tỳ-thấp-ba phong. Đây dịch là người không khéo léo.

Phệ-lãm bà phong. Trong kinh xưa hoặc viết là Tỳ phong bà, hoặc viết bi lãm, lại cũng viết tùy lam, hoặc viết toàn đều là tiếng Phạm gọi là sổ hạ nhĩ. Đây dịch là gió xoáy rất mạnh, rất mau cuốn phăng đi.

Thông tuấn. Lại viết huê cũng đồng. Ngược lại âm tử nhuận. Gọi là trác tuyệt khác thường. Vương Dật chú giải trong sách Sở Từ rằng: Tài năng vượt hơn ngàn người gọi là tuấn. Trong một nước cao hơn hết gọi là kiệt.

- **QUYỂN 28, 29:** Không có từ âm nghĩa.

**DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 30**

Đạo cản. Lại viết cản này, cũng đồng. Ngược lại âm công đản. Theo chữ lâm gọi là nhánh lúa, thân lúa vậy.

Trùng thư. Ngược lại âm trị trung. Âm dưới là thiên dư. Theo văn thông dụng. Gọi là trong thịt có vi trùng gọi là thư. Chữ viết từ bộ nhục.

**DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 30**

Học dạng. Ngược lại âm dực thượng, khuôn phép mẫu mực gọi là dạng cũng là gần giống nhiếp hóa. Trong kinh xưa đều viết tượng, cách thức gần giống. Nay lại không dùng vậy.

- **QUYỂN 31:** Không có từ âm nghĩa

**DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 32**

Diễm dật. Ngược lại âm dĩ nhiễm. Âm dưới là dữ nhất. Theo chữ diễm dật gọi là dụng cụ dựng vật đã tràn đầy.

Chư duy. Ngược lại âm dực truy. Quảng Nhã cho rằng: Duy là vùng xa xôi biên giới. Hoài Nam Tử cho rằng: Trong bầu trời có tứ duy. Là Đông, Tây, Nam, Bắc vậy; còn có trên, dưới nữa là vậy.

Hào tiệm. Ngược lại âm hồ đao. Giải thích tên gọi là hào bao quanh thành, uốn lượn, tường bao quanh bên trong thành ấp, chỗ có vách tường ngăn trở, là chỗ của vua ngự giá.

Ô-ba-ni-sát đàm phân. Trong kinh xưa viết: Ưu-ba-ni-sa-sắc-phân. Dịch là số cực lớn, số quá nhiều.

Mạn diên. Ngược lại âm vong oán. Âm dưới là dư chiến. Mạn diên gọi là liên miên không dứt, không cùng tận vậy.

Diêu thất. Ngược lại âm. Văn thông dụng cho rằng: Lò nung ngói

gạch gọi là diêu.

Chí hướng. Ngược lại âm hứa lượng. Theo văn nói gọi là cửa sổ nhìn ra hướng Bắc.

Hầu đồng. Ngược lại âm đồ đồng. Tam Thương gọi là ống trúc. Nay nói chữ giống như là lấy ống trúc thổi. Đây là tên gọi vậy.

Thieu tản. Lại viết chữ tản, cùng đồng. Ngược lại âm tự tản. Theo văn nói gọi là đốt gỗ cháy còn dư lại, tức là tro tàn vậy.

Miêu mãng. Ngược lại âm vọng chiếu, âm dưới là mạc lãng. Miêu mãng: Quảng Nhã giải thích rằng là rộng lớn vô biên cũng gọi là sâu xa.

Nguyệt túc. Văn cổ viết nguyệt vuông, hai chữ tượng hình; cũng đồng; Ngược lại âm ngư quyết, ngũ quát hai âm. Gọi là chặt đứt lìa cái chân ra vậy.

Nghị ty văn cổ viết là nghị, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm ngư khí. Theo chữ nghị nghĩa là cắt bỏ lỗ mũi.

Đà đại. Bì Thương lại viết bồ. Lại viết bài cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm bồ giới. Đây là dụ cho nhà lửa, ở trong nhà lửa khiến lửa thiêu đốt cháy hết vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 33

Viên thành. Ngược lại âm tự phiên. Gọi là bốn bên vách tường. Giải thích tên gọi là viên, nghĩa là viện nghĩa cứu giúp. Dựa theo người bị ngăn trở khó khăn, nên cho rằng phải cứu viện, giúp đỡ bảo vệ.

Hắc chí. Ngược lại âm hư ngật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hất nghĩa là đến vậy. Văn thông dụng cũng thường nói như vậy.

Huyền táo văn cổ lại viết huyền; Lại cũng viết huyền, cũng đồng. Ngược lại âm hư suy. Quảng Nhã cho rằng: Huyền là tiếng chim hót. Âm dưới là thừa đảo. Theo văn nói chữ táo là quấy rối. Sách Khổng Tử cho rằng: Thanh táo là nhóm hợp đông đảo, gây rối quấy nhiễu vậy.

Kích thoan. Ngược lại âm cổ lịch. Ngược lại âm dưới là thổ hoàn. Kích là dòng nước chảy mạnh bị ngăn lại nên bắn nước lên tung tóe. Theo văn nói thoan là dòng nước chảy xiết, cũng gọi là chỗ cạn nước chảy bày cát lên gọi là thoan.

Tham lam. Lại viết hai chữ lam tượng hình cũng đồng nghĩa.

Ngược lại âm lực nam. Chữ lam lam cũng là tham. Theo sách Sở Từ chúng đều gọi là cạnh tranh với nhau mà gọi là tham lam. Vương Dật gọi là yêu thích tài vật gọi là tham; yêu thích ăn uống gọi là lam.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 34

Càn-thấp. Lại viết hấp, cũng đồng. Ngược lại âm khư cập. Văn thông dụng cho rằng: Phối cho khô ráo gọi là thấp, hấp sấy cho khô vậy.

Phiến ky. Ngược lại âm thất phiến. Theo sách toán văn dịch là nhảy lên lưng ngựa.

Quyền cục. Ngược lại âm. Âm dưới là cự ngọc. Bì Thương cho rằng: Quyền cục là không thẳng, không duỗi thẳng, nghĩa cuộn tròn lại vậy.

Mạch mộc âm mạch mộc. Sách Nhĩ Nhã gọi là mưa nhỏ, tức là mưa phùn gọi là mạch mộc. Nay gọi là chảy mồ hôi giống như chảy mồ hôi trong người ra vậy.

Bĩ sĩ. Ngược lại âm bì mỹ. Âm dưới là sĩ cách. Bĩ là hủy hoại, ngăn che. sĩ phân ra nứt ra nắng hạn lâu ngày đất nứt ra.

Ông uất. Ngược lại âm ô khổng. Âm dưới là ư khuất. Ông nghĩa là xanh tốt sum suê; uất là cây mọc chằng chịt um tùm.

Sàm nham. Ngược lại âm sĩ hàm. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Sàm nham là núi đá cao không có cây cỏ.

Hà độc. Ngược lại âm đồ mộc. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Cống dẫn nước trong ruộng tăng gọi là độc ; các đường dẫn nước như: Cống, ngòi, rãnh đều gọi là độc.

Lễ thủy. Ngược lại âm lực thể. Lễ là suối nước ngọt thơm; nói nước suối là nước cam ngọt; giống như là rượu nồng dưỡng lão, và có thể trị bệnh; cũng có thể là ghiền mắt bệnh ghiền, nghiện vậy.

Tuần lợi. Ngược lại âm từ tuấn. Thương Hiệt giải thích rằng: Tuần là mưu cầu lợi ích chẳng kể mạng sống; cũng gọi là chết vì chức vụ, chết vì thực hiện nhiệm vụ.

Quan kiện. Lại viết quan kiện này cũng đồng, ngược lại âm kỳ thắm kiện là ống móc khóa, cái khóa chắc chắn. Phương ngôn thời Trần Sở cho rằng: cái móc khóa ở bên trong vậy.

Y-sư-ca tên núi. Nói núi này rất cao, dụ con người có tâm ngã mạn vậy.

- **QUYỂN 35:** Không có từ âm nghĩa

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 36

Cương nghị. Ngược lại âm ngư ký. Theo văn nói cho rằng: Nghị là cương quyết, đích xác; suy đến cùng tận, kết quả gọi nghị.

Giáp trụ, văn cổ viết trụ này cũng đồng. Ngược lại âm trừ cứu. Theo văn nói cho rằng: Trụ là con cháu nối dõi, nối tiếp theo không dứt vậy.

Tán-tha-ca-đa-diễn-na. Chữ ca-đa là họ; diễn-na là con. Tán-tha là nêu lên dòng họ tộc loại riêng biệt. Trong kinh luận xưa viết San đại Ca-chiên-diên, hoặc viết là San sắc Ca-chiên-diên; đều là sai vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 37

Đạt-la-nhị-trà chú. Tên của bài chú. Âm nhị. Ngược lại âm vong nhĩ.

Ly hoàng. Lại cũng viết ly cũng đồng. Ngược lại âm lực tư. Tiếng địa phương cho rằng: Thương canh tự quan, là tiếng báo hiệu giờ khắc. Mã ở thiểm Tây gọi là chim hoàng anh hoặc gọi là con chim vàng hoặc gọi là chim sỏ tước, nhiều tên gọi khác nhau vậy.

Bất-đàn. Ngược lại âm. Hết tận không con dư gọi là đàn. Quảng Nhã cho rằng: Đàn là hết sạch vậy.

Nhi vẫn. Ngược lại âm vu mẫn. Quảng Nhã cho rằng: Vẫn là rơi từ trên cao xuống. Theo văn nói gọi là vẫn là từ trên cao mà xuống thấp.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 38

Hê thử. Ngược lại âm hồ hê. Theo văn nói cho rằng con chuột nhỏ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Con chuột nhất. Quách Phác gọi là có chất độc của loại côn trùng trong thức ăn của người; và chim, thú tuy đến hết cả để ăn mà không biết cũng không cảm (T630) thấy đau. Nay con chuột miệng của nó cho rằng ngọt nên nó ăn vậy.

Linh âm. Ngược lại âm lục đình. Thương Hiệt giải thích rằng: Nghe tiếng; chỗ lỗ tai nghe tiếng gọi là linh.

Cổ huấn. Văn cổ viết là cổ. Nay lại viết là cố cũng đồng. Ngược lại âm cô nương. Âm cổ. Theo văn nói giải thích rằng: Dùng lời nói ngày nay để giải thích văn tự ngày xưa. Huấn là con đường, cũng là lời giải thích vậy.

Sư quyền. Lại viết quyền cũng đồng. Ngược lại âm cự viên. Gọi là ngón tay nắm lại gọi là quyền. Nói thí dụ: Người thợ không nắm trong tay các vật, chỉ nắm cái nắm tay, khi mở rộng ra mà không nói vậy.

Hệ niệm văn cổ kể hệ lại chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm cổ đế. Theo văn nói cho rằng: hệ là buộc chặt lại; cũng gọi là nối tiếp theo, nối dõi, kế tục vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 39

Môi cấu. Ngược lại âm mạc lai. Ngược lại âm dưới là cổ đậu. Môi là mưu tính một việc trừ liệu sẵn; mưu tính làm tác hợp họ khác khiến cùng nhau tương thành; Bạch Hổ Thông gọi môi là dây, nghĩa là tác hợp hơn nhân gọi cấu là hai họ kết hợp với nhau mà sanh ra con cái nối dõi vậy.

Tráo la văn cổ lại viết tráo đảo, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm trúc giáo. Gọi là cái lồng bằng tre chụp bắt cá vậy.

Tư cương. Ngược lại âm cự thượng, chữ trong sách giải thích rằng giăng lưới nơi đường gọi là cương ; hình lưới giống như cây cung vậy, hoặc viết này là văn thường hay dùng vậy.

Sàm thị. Ngược lại âm sĩ hàm. Âm dưới là bất kiêm. Lại viết sàm thị cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm thị lợi. Theo văn nói giải thích thị là

ý muốn, cũng gọi là tham không nhằm chán vậy.

Như bộ. Ngược lại âm bồ lộ. Chữ bộ nghĩa là ngậm thức ăn vậy. gọi là ngậm trong miệng thức ăn nuốt; nghĩa là bú mớm nuốt vào.

Hiểu dụ. Lại viết dụ, cũng đồng. Ngược lại âm du cú. Tam Thương giải thích rằng: Dụ là thí dụ, là khuyển can, cũng gọi là dụ, cũng gọi là hiểu. Theo sách Luận Ngữ cho rằng: Dụ là dẫn giải nơi nghĩa là vậy.

Nạo trọc. Ngược lại âm, nãi bào nãi giảo hai âm. Theo văn nói giải thích rằng: Nạo là quấy rối; lại cũng gọi là nhiễu loạn.

Năn quý. Ngược lại âm nữ thanh. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mặt đỏ vì hổ thẹn. Tiếng địa phương giải thích rằng: Là tự hổ thẹn mà thấy trên gương mặt đỏ. Chữ viết từ bộ cập xích chữ chỉ ý.

Tự quý. Ngược lại âm cự quý. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Quý độ, nghĩa là quan tể tướng ngày xưa, cũng gọi là người lái buôn vượt qua.

Thọ tu. Ngược lại âm thời chú. Quảng Nhã cho rằng: Là cây đứng thẳng, cộng thêm. Theo Thanh Loại thì lại viết. Thêm, cũng đồng. Ngược lại âm thời điểm. Chữ trong sách giải thích: Thêm là đầy đủ. Ngược lại âm tử du. Cung đầy đủ cũng gọi là trợ giúp.

Huyễn mại văn cổ viết huyễn cũng đồng. Ngược lại âm Hồ miến công huyễn, hai âm. Theo văn nói giải thích rằng: Là đi buôn bán. Quảng Nhã giải thích rằng: Đi khoe khoang.

Súc tích. Lại viết súc này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm sĩ lục. Quảng Nhã giải thích rằng: Súc là tụ nhóm lại cũng gọi là chứa nhiều vậy.

Sảo dục. Ngược lại âm công huyễn. Âm dưới là. Theo văn nói giải thích gọi là thân cây lúa; cây lúa cũng gọi là cây ngũ cốc.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 40

Khải đạo. Lại viết khải này cũng đồng. Ngược lại âm. Theo văn nói giải thích rằng: Khải là mở ra con đường, gọi là dẫn dắt.

Huy nghĩa. Lại viết huy, đều đồng. Ngược lại âm hư bì. Gọi là tay đưa lên gọi là huy; Gọi là lấy ngón tay chỉ huy.

Hà thừa văn cổ viết là hà: Nay lại viết hà cũng đồng. Ngược lại âm hồ ngã; lại âm hồ ca. Tiểu Nhĩ Nhã giải thích hà là đưa lên, cũng gọi là gánh trách nhiệm.

Chánh diên. Ngược lại âm dĩ chiên.

Chỉ khế. Lại viết khác xí hai chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm khiếp lệ. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Khế là nghỉ ngơi, dừng lại để nghỉ ngơi vậy.

Xí tiếu. Ngược lại âm sung chi. Tam Thương giải thích rằng: Xi là khinh nhờn. Sách Nhĩ Nhã Thiên Tiểu Thất cho rằng: Xi là đùa giỡn, làm trò cười. Ngược lại âm dưới là tài tiếu. Tiếu gọi là quấy rối làm cho nhiều loạn, cũng gọi là trách khéo vậy.

Khiêm xung. Theo văn nói lại viết trung, cũng đồng. Ngược lại âm trừ trung. Theo chữ trong sách giải thích rằng: Xung là trống không, hư không.

Cự lực. Ngược lại âm kỳ lữ. Theo chữ lâm cự là to lớn. Theo tiếng địa phương giải thích rằng: Giữa nước Tê, Tống thì gọi to lớn, vật gì to lớn là cự. Theo văn nói giải thích cự cũng là to lớn. Cũng viết là cự này cũng đồng nghĩa.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 41

Giá át văn cổ viết át này, cũng đồng. Ngược lại âm ư khác. Theo sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Át là dừng lại cũng gọi là đi ngược lại, cùng nhau dừng lại gọi là, nghĩa là ngăn chặn giặc bạo ngược, át cũng gọi che trùm khắp vậy.

Tốt-đổ-ba. Ngược lại âm tô một. Ngược lại âm dưới là đô cổ. Đây dịch là cái miếu, nơi thờ cúng. Hoặc gọi là Huyền nghĩa phiên; hoặc gọi đại tự; hoặc nói là tự tượng; cũng gọi là lụy thạch v.v... cho rằng: Tượng cao. Trong kinh luận xưa hoặc viết Tô-thâu-bà; hoặc viết Tẩu-đầu-ba; hoặc viết đầu-bà, hoặc gọi là, cũng viết là tháp bà, đều sai lược vậy.

Tể quan. Ngược lại âm Tổ đãi. Theo Thanh Loại giải thích rằng: Tể là trị, cũng gọi là sửa trị làm cho an ổn quốc ấp. Quảng Nhã giải thích rằng: Tể là chế định, cũng gọi là chế ra các việc.

Huyền hoa. Ngược lại âm hư nguyên âm dưới là hồ cô. Tam Thương giải thích rằng: Huyền là lời nói thao thao. Hoa là lời nói la hét, ồn ào, tiếng tranh cãi. Âm thao ngược lại âm từng đao.

Phân quát. Ngược lại âm phụ vân. Âm dưới là công hoạt. Phân là lộn xộn, rối loạn. Quát là lời nói ồn ào om sòm. Thương Hiệt giải thích

rằng: Quát là gây rối loạn nhiều loạn, âm thanh inh ỏi bên tai vậy.

Lung lệ hoặc là viết lung này, cũng đồng. Ngược lại âm lộc chung. Âm dưới Tam Thương lại viết lệ cũng đồng. Ngược lại âm lực kế. Điều tốt lành, khéo giỏi, gọi là lương lệ, cũng cứng cõi, cang cường.

Tông tập. Ngược lại âm tử tổng. Tông là gộp lại, tổng hợp lại. Tam Thương giải thích rằng: Tổng là sợ chỉ đường kinh ngang xuyên qua. Sở xuyên các hạt châu; cũng gọi là nắm giữ giềng mối của bộ phận cơ quan.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 42

Đồng linh. Lại viết linh này cũng đồng. Ngược lại âm lịch kinh. Theo chữ lâm là tuổi gọi là niên linh. Theo sách Lễ Ký giải thích rằng: Người xưa gọi là niên linh là người sống lâu, sống thọ.

Huê tùng. Ngược lại âm hồ khuê. Quảng Nhã giải thích rằng: Huê dất tay đưa cao lên đề cao lên; cũng gọi là nắm giữ. Theo sách Hán Thư Mạnh Khan giải thích rằng: Huế là liên kết lại với nhau; cũng gọi là người tướng lãnh dẫn dắt đi đánh trận vậy.

Hoạn giáp. Ngược lại âm hồ man, công hoạn hai âm. Theo tả truyện giải thích rằng: Mặc áo giáp cầm nắm binh khí. Đổ Dự giải thích rằng: Hoạn là quán là xấu suốt lại đừng để tản mất. Theo sách Quốc Ngữ cho rằng: Mặc áo giáp cầm binh khí mai phục binh lính. Giả Quy giải thích rằng: Hoạn là mặc áo giáo vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 43

Uẩn nhất - Ngược lại âm Di nhẩn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Mẩn là hết sạch. Quảng Nhã giải thích rằng: Mẩn là mất, là phai mờ, dứt tuyệt vậy.

Tản tiệp. Lại viết tán này cũng đồng. Ngược lại âm tiên ngạn. Gọi là miếng vải che để đi đường, tự lấy che nắng mưa gọi là cây dù che. Ngược lại âm dưới là tiên diệp. Gọi là khắc đẽo cây khiến ở giữa có

khoảng trống để che cái chân; gọi là guốc gỗ vậy.

Pháp minh. Ngược lại âm mạc kinh. Theo văn nói giải thích rằng: Minh là mưa nhỏ, ít mưa, mờ mịn, mưa phùn. Theo sách Trang Tử Nam giải thích rằng: Bầu trời cũng gọi là biển, cũng gọi là nước trong ao nhỏ vậy.

**DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 44**

Cừ nảo. Ngược lại âm cự ư theo chữ trong sách gọi là tên của hạt ngọc; cũng gọi là cái vòng đeo tai, cũng gọi là ấn tay, ấn dấu tay.

Trừ khí. Ngược lại âm trực ư. Trừ nghĩa là tích chứa của cái tài vật; dự bị nhân tài. Gọi là tích chứa các vật gọi là dự bị, phòng bị, gọi là trừ.

Tảo sức. Ngược lại âm Tô lão. Gọi là chỉ văn chương, chỉ đường nét tô điểm cho đẹp đẽ; cũng gọi là tô điểm sửa sang làm cho trở thành đẹp đẽ, cũng gọi là tô điểm y phục cho đẹp vậy.

Cách lượng. Ngược lại âm da ngạch. Thương Hiệt giải thích rằng: cách gọi là độ lượng vậy.

Bất nghị. Ngược lại âm xỉ diệc, âm là úc nghị. Theo sách Hán Thư âm nghi là không dùng. Theo văn nói giải thích là nghị kiếp nghĩa trong nhà trộm. Quảng Nhã giải thích rằng: nghị là đẩy ra, đẩy ra trách mắng, nổi giận. Theo văn nói viết từ bộ Nghiễm nghịch.

**DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 45**

Hoàn hội. Ngược lại âm hồ khai. Âm dưới là hồ đối. Theo văn nói giải thích: Hoàn hội là chỗ chợ búa.

- **QUYỂN 46, 47** Không có từ âm nghĩa

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 48

Năng tích. Ngược lại âm Nô lãng. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Năng là lâu rồi, giống như là đã qua đời, cũng gọi là cổ xưa vậy.

Mâu-sa-la ; hoặc là viết mô-tát-la, hoặc viết là Ma-sa-la. Cũng viết là mục-bà-la. Tiếng Phạm chuyên âm đọc sai vậy. Đây dịch là mã não. Theo đây gọi là vật báu; hoặc có màu sắc như mã não; nhân vì vậy mà gọi tên.

Trắc điền văn cổ viết điền này cũng đồng. Ngược lại âm đồ kiên. Tam Thương giải thích rằng: Trắc là tạp, lộn xộn, đặc để lộn xộn, lẫn lộn. Quảng Nhã giải thích rằng: Cái ao bị tắc nghẽn, cũng gọi là đầy. Lại viết điền này là chẳng phải đây dùng vậy.

Xâm lược. Lại viết lược này cũng đồng. Ngược lại âm lực thượng. Theo văn thông dụng giải thích rằng: Che trùm lấy, gọi là sao lược, là cướp đoạt; gọi là dùng sức mạnh cướp lấy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 49

Y-nê-tà chuyên. Ngược lại âm ô hê, âm dưới là thị nhuyễn. Tên hạt ngọc ở trong bụi trần. Trong kinh xưa lại viết Y-nê-diên. Lại viết nhân-ni-diên, cũng viết yên-ni-diên; đều là một nghĩa; Âm yên. Ngược lại âm nhứt hiền.

Thế phong gọi là âm hành. Xưa gọi là tướng mã âm tàng vậy.

Yết-la-tần-ca, hoặc viết Ca-lãng-tần-già; hoặc viết Da-la-tỳ-da; cũng viết Ca-lãng-tần-ca; đều là tiếng Phạm, âm có nhẹ, nặng; chuyển thanh đều sai vậy. Đây dịch là tiếng hót hay của con chim.

Ô-sắt-nhị-sa. Lại viết là Ổn-sắc-ni-sa; hoặc nói Uất-ni-sa. Đây dịch là kế. Gọi là trên đánh đầu nổi lên một cục thịt, tự nhiên thành búi tóc.

Tất cổ. Lại viết cổ này, cũng đồng. Ngược lại âm công hộ. Theo văn nói giải thích rằng: Là xương đùi, lá lách, giải thích tên gọi là cổ, là xương đùi chắc chắn, cũng là sức mạnh chắc chắn.

Lưỡng đồn. Ngược lại âm đồ côn. Gọi là hai bên mông đít thịt dày, cao rộng. Quảng Nhã giải thích rằng: Khoan là con lợn. Âm khoan

ngược lại âm khổ côn.

Khoan lô. Ngược lại âm dĩ ư. Gọi là lô tức là cái bụng. Giải thích tên gọi là cái bụng ở phía trước gọi là lô.

Khủ sóc. Ngược lại âm khâu ngư. Âm dưới lại viết ác, cũng đồng ngược lại âm âm ngũ các. ác là chỗ ở, là chỗ răng mọc, sóc xỉ là răng ở trong và hàm trên, dưới nơi các nướu răng mọc. Ân ngân ngược lại ngữ cân.

Quyên trừ. Ngược lại âm cổ huyền. Tiếng địa phương sách Nam Sở giải thích rằng: Quyên là bình lần lần thuyền giảm. Quách Phác cho rằng: Quyên là trừ bỏ đi. Mỗi địa phương phong tục tiếng nói có khác vậy.

Hào soạn. Ngược lại âm hồ lực hồ hai âm. Âm dưới là sĩ quyển. Quảng Nhã giải thích rằng: Hào là thịt, cũng gọi là thịt khô. Theo văn nói giải thích rằng: Soạn là chuẩn bị đầy đủ thức ăn ngon. Cũng gọi là ăn uống vậy.

Quảng lệ. Ngược lại âm cổ mãnh. Theo sách Hán Thư Mạnh Khan chú giải rằng: Quảng là mạnh mẽ, dữ dằn, hung tợn. Lệ là tốt lành. Chữ viết từ bộ khuyến.

Bà-la-ni-tư. Ngược lại âm nữ hiệt. Hoặc gọi là Bà-la-nại-tư. Lại viết Bà-la-nại cũng đồng một nghĩa. Xưa dịch là Thành Giang (T631) Nhiều.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 50

Giới húc. Ngược lại âm cổ ung. Âm dưới là hứa ngọc. Giới là răn bảo, cũng gọi là cảnh cáo. Tiếng địa phương cho rằng: Nước Tề, Lỗ giải thích chữ Húc là cố sức lên, khuyến khích cố sức lên.

Khinh cốc. Ngược lại âm. Giống như lưới mà lại thưa, giống như sợi tơ, mà nhạt khít, dày hơn; Xưa có gọi là mong cốc vụ cốc, là nói nó nhỏ mong manh như hạt sương.

- **QUYỂN 51** (Trước không có âm giải thích.)

**DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 52**

Phần liệu văn cổ viết phần hội hai chữ tượng hình, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm phò vân. Âm dưới lại viết liệu, cũng đồng. Ngược lại âm lực chiếu. Theo văn nói giải thích rằng: Phần là lửa thiêu đốt cháy lan ngoài đồng ruộng. Chữ viết từ bộ hòa. Cũng gọi là theo đốt rừng; chữ chỉ ý. Thiêu nghĩa là phóng hỏa đốt vậy; đốt lửa cháy lan ngoài đồng ruộng gọi là liệu.

Diễm phiêu. Ngược lại âm tỳ diêu. Gọi là lửa nhỏ. Lại viết phiêu này. Theo văn nói giải thích rằng: Lửa bay. Tam Thương cho rằng: Lửa tiến vào gọi là phiêu.

**DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 53**

Đồ quan. Ngược lại âm cổ ngoạn. Gọi là cái mũ, cái mũ hoa, cái mũ đội đầu.

Hách dịch. Ngược lại âm dư thạch. Quảng Nhã giải thích rằng: Hách là tỏ rõ; dịch là to lớn, đồ sộ; cũng gọi là rạng rỡ sáng chói, chữ viết từ bộ đại.

- **QUYỂN 54** (Trước không có âm.)

**DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 55**

Ngu lỗ. Ngược lại âm lực cổ. Sách Luận Ngữ giải thích rằng: Nghiên cứu kỹ lỗ là ngu đốt đàn độn. Theo Khổng An Quốc cho rằng: Lỗ là không nhạy bén chậm lụt, cũng gọi là ngu si.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 56

Ác-xoa-tụ. Chữ ác xoa là tên của loại cây. Hình của loại cây giống như ăn không có hạt. Ở nước kia có rất nhiều cây lấy đem bán. Như đây dịch là cây hạnh nhân cho nên lấy ví dụ để nói vậy. Dương phụng ở nước Ngô thời Tam Quốc trú tại Lư Sơn, chữa bệnh cho người không lấy tiền, chỉ muốn người bệnh nặng mà được lành, thì phải trồng năm cây hạnh vậy.

An thiện na. Ngược lại âm thị chiến. Xưa nói là an thiên na. Đây dịch là thuốc ngủ, thuốc an thần.

Nhĩ luân. Các vua nước kia, hoặc là dùng kim ngân làm. Nhĩ luân đây hình giống như cái bát tròn bầu dục có móc đeo nơi lỗ tai. Khuôn bên trong dùng để làm trang điểm, cho nên gọi là tai luân. Trong kinh xưa nói rằng: Tai nên làm cho to lớn ra mới tốt là vậy.

Lỗ-đạt-la thiên. Đây dịch là tên khác của cõi trời bạo ác tự tại.

Tỳ-sắc-nô thiên. Ngược lại âm nô cố. Xưa dịch là Tỳ-sưu-nữ, hoặc nói là tỳ nhãn đều sai. Đây là nghĩa huyễn hoặc, mơ hồ. Nghĩa chính xác là tên khác gọi là Phạt-tẩu thiên. Xưa nói là Bà-tẩu thiên.

Thế chủ thiên. Đây là tên khác của cõi trời Phạm thiên.

- **QUYỂN 57:** Không có từ âm nghĩa.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 58

Tê nạch. Lại viết di, cũng đồng. Ngược lại âm tử lễ. Quảng Nhã giải thích rằng: Tê là chất dịch thể chảy ra thấm xuống. Cũng gọi cánh tay xuất mồ hôi.

Lãng dĩ. Ngược lại âm cự di. Gọi là loài côn trùng ngu si đần độn; Đây nói là con thú nuôi trong nhà, nên nói rằng vì nó ăn cỏ nên gọi là ngu si là vậy.

Kỳ lộ văn cổ viết hai chữ kỳ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm cự chi. Nhĩ Nhã giải thích rằng: Phân rẽ hai con đường gọi là kỳ. giải thích tên gọi là vật gì phân rẽ ra con đường đều gọi là kỳ. Đây gọi là giống như con đường đạo để đạt tới vậy.

Luân vi. Ngược lại âm can phi. Tên của một cái núi. Đây là lấy ví dụ cho tâm ngã mạn cao lớn cho nên lấy tên mà gọi vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 59

Yểm đảo. Ngược lại âm ư nhiễm. Âm dưới là đô đảo. Chữ oản yểm là trong giấc ngủ không rõ biết núi phía Đông. Ngược lại âm ư nghiệp. Theo văn nói giải thích rằng: Đảo là báo cáo sự việc cầu thần gọi là đảo. Đảo là thỉnh mời, mời thỉnh nơi quỷ thần vậy.

Thi bán thi đây là nói chú pháp ở nước Tây Vực mới có. Đây dịch là nói bài chú nơi thầy người chết khiến cho đứng dậy xác nhập vào người sống, phân nửa là thầy chết rồi mới chú nguyện, thậm đọc chú khiến cho ngồi dậy; thầy ma chết đã thành con quỷ xác nhập vào người sống cho nên nói bán thi, là phân nửa thầy ma, phân nửa người sống, thành quỷ đi phá hoại làng xóm.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 60

Từ thạch. Ngược lại âm tự tư. Bì Thương giải thích rằng: Từ thạch gọi là ngậm thiết vậy.

Sa-lê-dược-ca gọi là tên cụ lạc thành ấm của nước kia.

Yết-trá-tư. Ngược lại âm cư yết. Gọi là tên khác của tham ái.

Thương điếu. Ngược lại âm đồ đảo. Tiếng địa phương của nước Tần, Tấn gọi Thương là buồn thương, xót thương; thương tiếc, cũng gọi là bi ai.

Ly quặc. Lại viết là trúc ly cũng đồng. Ngược lại âm lực tư. Âm dưới là cư triền. Ly nghĩa là vạch ra, kẻ ra, dùng dao rạch ra. Phá vỡ thẳng gọi là ly. Dùng móng vuốt chụp vô lấy làm cho bị thương tổn gọi quặc. Âm hoạch ngược lại âm hồ mạch.

Thê nô. Ngược lại âm nộ hồ nãi cố hai âm. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Nô là mang đứa con vậy

Sư ấp. Ngược lại âm dĩ cư. Theo sách Chu Lễ cho rằng: Hai mươi

lăm nhà làm một lữ; Lữ cũng gọi là cổng làng. Theo văn nói lữ là bạn; năm nhà cùng nhau làm bạn với nhau.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 61

Tích lại. Ngược lại âm tinh đích. Gọi là ban tặng cho người. Theo sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Tích lại là ban tặng của cải tài vật. Gọi là người ở trên ban tặng cho kẻ dưới quyền; hoặc là lúc từ biệt nhau trao vật tặng vật để lưu niệm vậy.

Uất-ưởng. Ngược lại âm ư lượng. Gọi là nổi giận cũng gọi là bực bội, khó chịu không vui, tâm không phục.

Áo nhuế. Ngược lại âm ư báo. Áo nhuế là trong lòng hối hận.

Ban tứ. Lại viết cũng đồng. Ngược lại âm bổ nhan. Sách Tiểu Nhĩ Nhã giải thích rằng: Ban là cấp cho, trao cho, cũng gọi là bố trái khắp. Sách Nhĩ Thất giải thích rằng: ban là biến khắp cũng vậy.

Lạo lai. Ngược lại âm lãng đảo. Âm dưới là lực đại. Gọi là vỹạo. Quảng Nhã cho rằng: Siêng năng chăm chỉ làm việc. Lạo lai: nghĩa là không chờ đợi hoặc có viết lại tứ: là ban tặng của cải cho nhau. Chữ lại này chẳng phải Ba-la-mật đây dùng vậy.

Tư tuần. Ngược lại âm tư tôn: Tuần là han hỏi. Theo Tả Truyện cho rằng: Hỏi han để việc được tốt đẹp gọi là. Hỏi hai với người thân gọi là tuần. Tư cũng là hỏi han khéo hỏi han về con đường đạo. Tuần là hỏi han thăm hỏi nghĩa là hỏi thăm người thân thích vậy.

Khánh kiệt văn cổ viết là không cũng đồng. Ngược lại âm khẩu định. Theo văn nói cho rằng: Đồ dùng trong nhà rỗng không. Nhĩ Nhã cho rằng: Khánh là đã hết sạch.

Phi ưu. Ngược lại âm ư ngư. Theo chữ lâm khác ưu là vui, cũng gọi là điều hòa vui vẻ, làm trò vui vậy.

Bác dịch văn cổ viết bác này. Ngược lại âm dưới là dự thạch. Tiếng địa phương gọi là bác nghĩa sâu rộng uyên bác, hoặc gọi là Kỳ từ quan mà ở giữa Đông Tề, Lỗ: đều cho là cờ vậy gọi là dịch vậy.

Anh kiệt. Ngược lại âm kỳ liệt. Vượt hơn ngàn người gọi là kiệt. kiệt cũng gọi biệt lập, đứng riêng, cũng gọi là tài năng hơn người vậy.

Đam diện văn cổ viết thậm cửu hai chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm đô hàm. Âm dưới văn cổ viết là diện này cũng đồng.

Ngược lại âm vong thiện. Theo văn nói giải thích rằng: Đam là vui, ưa thích, say mê. Diện là đam mê rượu chè; cũng gọi là rượu vui.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 62

Sắt chỉ. Ngược lại âm lạc lý. Xưa gọi là câu hy là, dịch là tất, tức là cái đầu gối; nói là xương đầu gối to.

- **QUYỂN 63:** Không có từ âm nghĩa.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 64

Lân sừng. Ngược lại âm lý chân. Gọi là giống thu nhân đức. Theo văn nói giải thích rằng: Lân thân giống như nai, đuôi trâu, móng ngựa, lưng có lông ngũ sắc, bụng nó lông màu vàng, có một sừng trên đầu có thịt, có khối thịt trên đầu. Lân không ăn thịt các giống thú khác, không đạp cỏ. Trong bụng có phát ra âm thanh giống như tiếng chuông, bước đi rất ngay thẳng và dài, không rơi vào lưới của thợ săn. Cũng gọi là văn chương đầy đủ về văn và chất. Sách Luận Ngữ: Là văn vẻ bên ngoài và chất âm đức bên trong đầy đủ, sau đó mới có thể thành bậc quân tử. Đây cũng gọi là giống thú linh vậy.

- **QUYỂN 65, 66 :** (Đều không có âm giải thích.)

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 67

Ngạo đản. Ngược lại âm ngũ cáo. Ngược lại âm dưới là dạt thả. Chữ ngạo gọi là không kính. Quảng Nhã giải thích rằng: Ngạo là khinh thường, xem nhẹ người khác. Đản là to lớn, phóng túng, buông thả; thật

to lớn.

Huyền táo. Ngược lại âm hồ miến. Theo chữ lâm gọi là văn chương mạch lạc xán lạn rực rỡ gọi là huyền. Huyền cũng gọi là văn chương, chỉ đường nét tô điểm cho đẹp. Táo là từ chỉ chung các loại rong dưới nước; cũng gọi là văn chương có trau chuốt vậy.

Đại địa ca. tên người; từ tên; Trong kinh gọi người này mà nói.

Bạo táo. Ngược lại âm bồ bốc. Ngược lại âm dưới thừa lão. Giải thích tên gọi là táo là tập hợp lại. Theo văn nói giải thích: Táo là phơi khô, khô khan vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 68

Nhược lan. Lại viết lan này cũng đồng. Ngược lại âm lực đan. Theo văn thông dụng gọi là mất hết tận hết sạch gọi là.

Hối hóa văn cổ viết hối này cũng đồng. Ngược lại âm hồ tội. tài hóa: Tiền của; hàng hóa, chỉ các vật có thể đổi thành tiền. Theo văn thông dụng cho rằng: tài là vải vóc hàng hóa gọi là hối. Chu Lễ cho rằng: Thông dụng dùng hóa hối là vàng ngọc gọi là hóa. Vải vóc lụa là hối. Trịnh Huyền giải thích rằng: Vàng ngọc gọi là hóa vải vóc lụa là gọi là hối là vậy.

Phương cao âm phương gọi là chất mỡ, chất béo. Văn thông dụng gọi là ở eo lưng gọi là phương; Phương là chất béo. Tam Thương cho rằng: có sừng gọi là chỉ; không sừng gọi là cao.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 69

Đề hồ. Âm đề hồ. Ngược lại âm tô lạc. Tinh rượu nguyên chất tinh túy gọi là đề hồ. Theo văn thông dụng gọi là tô lạc, cũng gọi là đề hồ là vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 70

Huân mộ. Ngược lại âm hứa quân. Sở Từ cho rằng: Huân là ánh nắng trời chiều nắng chiều lúc hoàng hôn, mà cũng gọi là tuần lễ, một tinh kỳ. Vương dật chú giải sách Quảng Nhã rằng: Nắng chiều hoàng hôn; cũng là trời sắp tối.

Thuyên lượng. Lại viết chữ thuyên này, cũng đồng. Ngược lại âm thất tuyền. Quảng Nhã cho rằng: Cái cân gọi là thuyên. cũng gọi là thuyên lượng, nghĩa là cân xem nặng, nhẹ vậy; gọi là cân nhắc.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 71

Trúng đích. Ngược lại âm tri trung. Âm dưới lại viết đích, văn nói lại viết đích này cũng đồng. Ngược lại âm đô lịch. Gọi là chính xác rõ ràng; xạ chất, bắn ra trúng đích; cũng gọi là điểm đương thấy rõ. Nay lại dùng viên đạn tròn mà bắn là vậy.

Tùng dung. Ngược lại âm thư dung. Quảng Nhã cho rằng: Tùng dung là cử động, cũng gọi là thẩm xét rõ ràng nhân nhã, thoả mái.

Hà tân. Ngược lại âm tử nhân. Chữ lâm tân là bến nước. Quảng Nhã cho rằng: Tân là bờ nước, ven sông. Cửa sông chảy ra biển.

Hủy độc. Ngược lại âm đồ mộc. Là phỉ báng, chê bai. Quảng Nhã cho rằng: (T632) độc là bệnh đau, cũng gọi là oán hận lời oán trách.

Trân tu văn cổ viết tu này cũng đồng. Ngược lại âm tư do. Gọi là tên khác của món trân quý; có các mùi vị lẫn lộn; là tu là thức ăn ngon; nghĩa là món ăn có mùi vị thơm ngon. Tiếng địa phương cho rằng: Món ăn nấu chín.

- **QUYỂN 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78** (Trước đều không có âm giải thích.)

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 79

Khiên thân. Ngược lại âm khứ yên. Quảng Nhã cho rằng: Khiên là nhổ giựt lên đưa lên.

Du nhĩ. Lại viết du này, cũng đồng. Ngược lại âm dĩ chu. Gọi là cười khúc khít. Cũng gọi là cười hở răng ra. Theo sách Hán Thư gọi là cao như ngọn núi Thái Sơn gọi là du, nhan sắc thoải mái rộng rãi khoan đạt; lại viết giống như thiên nhiên trang trải khắp vũ trụ, mỉm cười với tất cả.

Ca-ly. Tiếng Phạm Sa-bát-nã. Ngược lại âm nữ gia. Chữ bát nã. Đây dịch là Tiền làm bằng đồng, mười sáu bát-nã là một ca-lợi-sa bát-nã.

- **QUYỂN 80, 81, 82:** Không có từ âm nghĩa.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 83

Tập sử văn cổ viết tập này cũng đồng. Ngược lại âm từ lập. Theo Tả Truyện ghi: Đánh úp không phòng bị; nói chung quân lính đánh giặc ngày xưa có duyên trống gọi là phạt, không chiến trống gọi là xâm, mà gọn nhẹ bất ngờ gọi là tập. Tức là dùng khinh binh, nằm yểm xuống chờ đối phương không phòng bị bất ngờ mà đánh úp vào.

Ma-nạp-phước-ca. Đây dịch là Nho Đồng; hoặc gọi là thiếu niên tịnh hạnh. Trong kinh xưa gọi là ma nạp đấng, là vậy.

Đề-sa. Tên gọi là Tỷ-khưu; Khưu là trong kinh nói tên là Đề-sa kinh. Đây cũng gọi là tinh là tên của một ngôi sao. Bởi vì ngôi sao đứng riêng nên gọi tên là như vậy. Ở Tây Vực gọi là đa thử.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 84

Nhu ủy. Ngược lại âm nô hòa nô hồi hai âm. Theo văn nói giải

thích rằng: Ủy là đẩy tới, lấy hai tay đang xiết chặt lại với nhau.

Bì triết. Ngược lại âm phổ bỉ. Theo sách toán văn ghi chép rằng: bì là bề gãy; Bì cũng giống như là phân ra, tách ra làm đôi vậy.

Cương phó. Ngược lại âm bồ bốc phương vụ hai âm. Cuối đầu xuống gọi là cương phục ; nghĩa là thấp xuống, cũng gọi là phó là ngã xuống. Theo văn nói ghi rằng: Vấp chân té ngã ngửa; phó là che ở phía trước vậy.

Hạo đầu. Ngược lại âm hồ lão. Theo sách Tiểu Nhĩ Nhã ghi rằng: Hạo là mặt trời mới mọc; cũng gọi là vải lụa trắng tinh.

Hoàng thuân. Ngược lại âm thất tuần. Theo sách Vận Lược Tập ghi rằng: Thuân là da bị lạnh làm nứt nẻ; có đường nhô nổi lên.

Tồ lạc. Lại viết chữ tồ này cũng đồng. Ngược lại âm tại hồ. Theo sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Tồ lạc là chết mất vậy.

Si phạt. Lại viết si này cũng đồng. Ngược lại âm sữ chi. Quảng Nhã cho rằng la hình phạt đánh bằng roi.

Thang lỗ. Lại viết thang lỗ này hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm xỉ diệc tư diệc hai âm. Ngược lại âm dưới là lực cổ. Theo văn nói ghi: Thang lỗ người phương Tây gọi là đất mặn; tức là ruộng muối.

Nễ-già. Ngược lại âm nữ lý. Đây dịch là nước chảy không ngừng; cũng nói là có hại; bao hàm hai nghĩa; nhưng đây đều là tiếng Phạm.

Cự vụ. Lại viết cự, cũng đồng. Ngược lại âm cự giá. Cự là gấp vội; cũng gọi là phương sợ.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 85

Cưu tập. Ngược lại âm. Theo sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Cưu là tụ tập; cũng gọi là nhóm hợp.

Linh ngữ. Ngược lại âm lực đình. Âm dưới là ngư dĩ. Tên của ngục. Ở Nam vương có ngục, nhà lao, nhà tù.

U chấp. Ngược lại âm tri lập. Trong Mao Thi Truyện ghi rằng: Chấp là trói buộc; cũng gọi là câu chấp, cầm nắm; hai tay không xen lẫn nhau; gọi là bị trói buộc.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 86

Nộ hám. Ngược lại âm hồ cam. Quảng Nhã ghi rằng: Hám là oán hận. Theo chữ lâm. Hám là không an.

Tảm dâm. Ngược lại âm thất lâm. Tảm dâm: Là chuyển lần lần càng ngày càng thêm lớn; Tảm dâm: Cũng gọi là di chuyển đến nơi gọi là rộng lớn.

Vi biển. Ngược lại âm bi lưỡng. Theo văn nói ghi rằng: Biển là chật hẹp vậy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Biển là nóng vội, nóng nảy, gấp gáp; cũng là hẹp nhỏ.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 87

Ngu tráng. Ngược lại âm đình lạc. Tam Thương cho rằng: Ngu là chỗ không biết, cũng gọi là đần độn. Quảng Nhã cho rằng: Tráng là hung hăng, ngoan cường.

Mang nhiên. Ngược lại âm minh đường. Theo chữ mang nhiên là thuyết tối không rõ ràng.

Du hoàng. Ngược lại âm hu quang hoàng là cái hào ở quanh thành; Theo văn nói ghi rằng: Quanh thành có trì, ao quanh có nước gọi là hoàng.

Cung quyết. Giải thích tên gọi là quyết là ở hai bên cửa. Ở chính giữa khuyết gọi là đạo, con đường vào cung vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 88

Hư hy. Ngược lại âm hân cư. Âm dưới hân ký. Thương Hiệt ghi rằng: Tiếng khóc dư, cũng gọi là bi thương.

Phủ ứng. Ngược lại âm phương vũ. Âm dưới lại viết ứng, cũng đồng. Ngược lại âm ư nghi. Phủ là vỗ nhẹ, vỗ về. Quảng Nhã giải thích rằng: Phủ là đánh, ứng là buồn lo; cũng gọi là cái ngực. Phú ứng là buồn

bã lo âu, buồn giận.

Oan kết văn cổ viết oan, oán, hai chữ tượng hình. Nay lại viết oan này cũng đồng. Ngược lại âm ư nguyên. Theo văn nói gọi là oan khúc; Quảng Nhã gọi là oan uống; nhớ nghĩ phiền muộn sự oan ức vậy.

A-tử-la. Tên là. Ma-đăng-kỳ Phủ-trà nữ. Cũng có tên riêng là. Tên khác. Đây nói chữ nữ là ý nghĩa hèn hạ, đê tiện. Cho nên phải dùng chổi quét chợ là nghề nghiệp, dùng lấy cúng dường y thực vậy.

Bị trắc. Ngược lại âm trắc cách. Theo chữ trắc giống như chữ yểm. Gọi là thao tác đến xuất mồ hôi.

Khiên nột văn cổ viết là nột, cũng đồng. Ngược lại âm nô cốt. Chữ nập gọi chậm chạp, đần độn, không chạy bén. Theo văn nói ghi rằng: nập là khó vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 89

Bằng trừ. Ngược lại âm trực lưu. Người đồng môn giao kết với nhau gọi là bằng trừ, nghĩa là bạn bè, đồng loại, ngang bằng với nhau. Vương Dật chú giải trong sách Sở Từ rằng: Hai người làm một thất ngang bằng nhau; bốn người làm một trừ. Chữ trừ giống như là bạn lữ vậy.

Vĩ mông. Ngược lại âm đồ đặng. Âm dưới là mạc động. Theo Văn Tập ghi rằng: cố sức ngồi nằm.

Tất-tử. Ngược lại âm thất nhĩ. Âm dưới tư nhĩ. Theo văn thông dụng cho rằng: Khó có thể gọi là thầy. Đây là sai, dùng chữ sai vậy.

Chuyết nhĩ. Ngược lại âm tri liệt. Theo Thanh Loại cho rằng: chuyết là hơi ngắn; cũng gọi là lo âu, buồn phiền.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 90

Phú thêm. Ngược lại âm Thú diêm. Gọi là dùng cỏ tranh lợi nhà. Theo sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Vải trắng đậy phủ lên gọi là thêm ; cũng

nói rằng bên cỏ tranh lấy đậy che lên nóc nhà gọi là thêm.

Miễn lệ. Ngược lại âm mị biện. Âm dứt là lực chế. Gọi là miễn cưỡng; cũng gọi là tự khuyến khích cho có thêm sức mạnh; khích lệ thêm lên, sức mạnh, gọi là lệ.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 91

Điều quy. Lại viết hai chữ điều tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm thư dục gọi là tính nóng nảy vội vàng.

Quan mao. Ngược lại âm. Nhĩ Nhã cho rằng: Thuộc cỏ mây.

Như trậm. Ngược lại âm. Quách Phác cho rằng: Trộm là loại chim lớn như con diều hâu, thân màu xanh tím thẫm, cổ dài; mỏ đỏ, nó hay ăn thít rắn.

Quyết nhiên. Ngược lại âm cư liệt. Theo chữ quyết cũng giống như chữ đơn; nghĩa là cô độc, đơn độc một mình. Theo văn nói gọi là không có cánh tay mặt, tay phải. Gọi là quyết.

Công lưu. Ngược lại âm diệc tuyền. Theo chữ lâm là theo nước mà xuống gọi là công; thuận theo dòng chảy gọi là công ; cũng gọi là duyên.

Đại kê. Ngược lại âm cổ hề. Chí tánh nóng nảy, quyết liệt, nhiều hung hăng. Cho nên đây là lấy ví dụ vậy.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 92

Phiêu dạng. Ngược lại âm thất diêu, âm dưới là dục thượng. Gọi là trôi nổi bập bềnh. Sóng nước dao động, gập ghềnh.

- **QUYỂN 93** (Trước không có âm.)

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 94

Sáp thực văn cổ viết là tập, lại viết kháp cũng đồng. Ngược lại âm tử cái. Theo văn thông dụng ghi rằng: Bỏ vào miệng gọi là kháp. Lại như loài côn trùng ăn gọi là sáp nghĩa là đớp mồi.

Bất duẩn. Ngược lại âm dục chuẩn duẩn là thích hợp, xác đáng; cũng gọi là niềm tin. Nhĩ Nhã cho rằng: Duẩn là thành thật.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 95

Tiêm chước. Ngược lại âm chi nhược. Gọi là tăng: Một loại tên dùng để bắt chim; âm tăng nghĩa là giữ mũi tên nhắm bắn mũi tên phát ra.

Ế mạc. Lại viết ế, cũng đồng; ngược lại âm ư kế. Âm dưới là mạc. Theo Vân Tập cho rằng: chữ ế là con mắt bị bệnh, ngăn che không thấy rõ được.

Siểm di khí. Ngược lại âm thức nhiễm. Gọi là cái khổ nên trừ bỏ đi. Tiếng Phạm gọi là sa la khí quang tịnh. sa la. Đây dịch là nhà lao ngục chắc thật vậy.

Tiền quát. Ngược lại âm khổ hoạt. Giải thích tên gọi là tiền: Là dụng cụ sửa mũi tên cho ngay thẳng gọi là quát; quát cũng có nghĩa là hội hợp, cũng gọi là sợi dây tương quan với nhau.

Hoành đệ văn cổ viết hai chữ hoành tượng hình, cũng đồng. Ngược lại là âm khổ hoàng. Theo Thanh Loai viết hoành này; nghĩa là cây đà ngang dưới chiếc xe. Nay gọi là cây ngang dưới sàn xe để nhắc lên. Cây gỗ ngang dưới đều gọi là hoành vậy.

Tam Thương. Ngược lại âm thiên dương. Theo văn nói cho rằng: Thương là cự ly, khoảng cách. Tam Thương giải thích rằng: Hai đầu cây nhọn bén gọi là thương là vũ khí thời xưa.

Nạo giảo. Ngược lại âm hồ cao. Ngược lại âm dưới là cổ noãn. Theo văn nói rằng: Nạo giảo là gây rối loại gây nhiễu loạn.

Toàn diên. Ngược lại âm đàn diên. Gọi là cây mâu nhỏ; hoặc viết mâu. Ngược lại âm quyết lộng. Chữ này hợp với chữ ở sau; nghĩa cây (T633) mâu giống như mũi tên nhọn vậy.

- **QUYỂN 96:** Không có từ âm nghĩa

**DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 97**

Tô tức. Ngược lại âm quang hô. Sống lại gọi là tô. Tô cũng gọi là nghĩ ngơi.

Tích điền Văn cổ viết tinh tích tích ba chữ tượng hình; cũng đồng. Ngược lại âm tài diệc. Theo văn nói tích là gây ốm; cũng gọi là mỏng manh.

Ngôn dật. Ngược lại âm dư chất. Theo văn nói cho rằng: dật là buông thả, bừa bãi, dâm dật.

**DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
QUYỂN 98**

Bao tán. Ngược lại âm. Theo như chữ Bao cũng giống như chữ dương, nghĩa là khen ngợi; tốt đẹp, cũng gọi là tiến vào.

Viên hầu. Lại viết viên, cũng đồng. Ngược lại âm vũ phiên. Viên hầu là một loài thú giống như khỉ, mà cái tay của nó lớn, dài; màu sắc có vàng, có đen; Tiếng nó kêu nghe rất xa. Sống tới năm trăm tuổi, hóa thành con nai, nai tuổi thọ, một ngàn tuổi. Âm. Ngược lại âm cư triên.

Sủy-ma. Ngược lại âm sơ ủy. Văn thông dụng cho rằng: Sờ mó gọi là sủy; hoặc viết là sủy này; chữ mượn âm vậy.

Phiếm thành. Lại viết là phiếm này, cũng đồng. Ngược lại âm phù kiếm. Quảng Nhã giải thích rằng: Phiếm là trôi nổi cùng khắp; cũng gọi là nước tràn vậy.

Thừa giá. Ngược lại âm thực chứng. Tam Thương giải thích rằng: Ai huyền gọi là thừa. Cỡi ngựa gọi là giá.

Sĩ binh văn cổ viết binh này. Theo văn nói cho rằng: Sĩ là cao vậy. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Chẳng phải người thường gọi là binh. Là binh đó, một là bốn bên cao, chính giữa thấp gọi là binh.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 99

Chủng thời. Ngược lại âm thời chí. Gọi là trồng lúa mạ non, cấy mạ non; cũng gọi là gậy giống mạ non gọi là thời.

Ba-thâu-bát-đa. Đây là tên của ngoại đạo; phái ngoại đạo này dùng tro trộn với đất bùn rồi bôi lên khắp thân thể; tóc thì có khi cạo, có lúc không cạo, y phục thì dùng vải thô che thân nhưng chẳng phải màu đỏ; mà là màu khác, tiếng Phạm gọi là Ma-hê-thủ-la thiên; gọi là lưới võng của cõi trời che đầu.

Nhàn tịnh. Ngược lại âm cổ hạn. Theo sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Nhàn là lớn rộng.

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN QUYỂN 100

Tiêu nhiên. Ngược lại âm tích tu. Theo Mao Thi Truyện gọi là tiêu. Nghĩa là tiêu dao, nơi vắng vẻ không ồn ào huyên náo.

Biến cách văn cổ viết là ba chữ cách tượng hình, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm cổ hạch. Lại thêm nhiều, theo chữ nghĩa là truyền miệng đến ba mươi năm; mà sự truyền miệng gọi là Quốc ấp, tức là lập ra cõi nước cai trị, mà quốc là ba mươi năm sau mới lập ra pháp lệnh, luật lệ, lại càng sai khác, âm vi, ngược lại âm vi nghĩa là vây quanh bốn bên vậy.

